



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY
TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ**

Sinh viên :

MSSV :

Lớp :

Niên khoá :

GVHD :

Tp.HCM, tháng 07 năm 2022

Lời cảm ơn

XEM 20 MẪU LỜI CẢM ƠN TẠI

<https://baocaothuctap.net/loi-cam-on-khoa-luan-tot-nghiep/>

NHẬN XÉT
CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Ngày tháng..... năm 20...

NGÂN HÀNG/CÔNG TY

(Ký tên và đóng dấu)

NHẬN XÉT
CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Ngày tháng..... năm 20...

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

(Ký,Họ và tên)

MỤC LỤC

THAM KHẢO 10 ĐỀ CƯƠNG ĐỀ TÀI NÀY TẠI

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-chi-tiet-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/>

MỤC LỤC	5
Phần mở đầu	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	1
3. Phương pháp nghiên cứu	1
4. Phạm vi nghiên cứu	1
5. Bố cục của đề tài	2
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	1
1.1 Khái quát về phân tích tài chính doanh nghiệp	1
1.1.1 Khái niệm về phân tích tài chính doanh nghiệp	1
1.1.2 Tầm quan trọng của phân tích tài chính	1
1.1.3 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp:	2
1.1.3.1 Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp	2
1.1.3.2. Đối với các nhà đầu tư	2
1.1.3.3. Đối với các đối tượng cho vay	2
1.1.3.4. Đối với các cơ quan chức năng của Nhà nước	2
1.1.3.5. Đối với các đối tượng khác	3
1.1.4. Mục tiêu của phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp	3
1.1.5 Phương pháp phân tích	3
1.1.5.1. Phân tích theo chiều ngang	3
1.1.6.2. Phân tích theo chiều dọc	4
1.1.6.3. Phân tích xu hướng	4
1.1.6.4. Phân tích theo tỷ số	4
1.2 Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp	4
1.2.1. Quy trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp	4

1.2.2. Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp	6
1.2.2.1 Phân tích kết cấu BCTC	6
1.2.2.2 Phân tích biến động	8
1.2.3. Phân tích tình hình tài chính theo các nhóm chỉ tiêu tài chính chủ yếu	8
1.2.3.1. Các tỷ số về khả năng thanh toán	8
1.2.3.2. Các tỷ số về cơ cấu tài chính	9
1.2.3.3. Các tỷ số về hoạt động	10
1.2.3.4. Các tỷ số về doanh lợi	13
1.2.4. Phương pháp phân tích tài chính Dupont	14
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ	16
2.1 Giới thiệu Công ty TNHH Thiết Bị An Phú	16
2.1.1. Quá trình thành lập	16
2.1.2. Chức năng của Công ty	16
2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty	17
2.1.4. Một số đặc điểm về chính sách kế toán tại công ty	19
2.1.4. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty	20
2.1.4.1 Hoạt động kinh doanh chính	20
2.1.5 Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh	21
2.2 Phân tích tình hình tài chính Công ty TNHH Thiết Bị An Phú	22
2.2.1 . Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp	22
2.2.2 . Phân tích tình hình tài chính theo các nhóm chỉ tiêu tài chính chủ yếu	28
2.2.2.1 Các tỷ số về khả năng thanh toán	28
2.2.2.2 Các tỷ số về cơ cấu tài chính	31
2.2.2.3 Các tỷ số về hoạt động	32
2.2.2.4. Vòng quay tài sản	35
2.2.2.5 Các tỷ số về doanh lợi (tỷ số lợi nhuận)	35
2.2.3 Phương pháp phân tích Dupont	37
2.2.4 Phân tích nguồn và sử dụng ngân quỹ	38
2.3 Đánh giá tình hình tài chính An Phú	39
2.3.1 Điểm mạnh	39

2.3.2 Điểm yếu	39
2.3.3 Nguyên nhân	39
2.3.3.1 Nguyên nhân chủ quan	39
2.3.3.2 Nguyên nhân khách quan	39
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIẾN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ	41
3.1. Những cơ hội và thách thức của ngành và của Công ty TNHH Thiết Bị An Phú	41
3.1.1. Cơ hội	41
3.1.2. Thách thức	41
3.2 Một số giải pháp về phân tích hoạt động tài chính của công ty TNHH An Phú	41
3.2.1 Giải pháp về tình hình tài chính	41
3.2.2 Hoàn thiện về tổ chức công tác phân tích	44
3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán	46
3.2.4. Đào tạo nhân sự cho công tác phân tích tài chính	47
KẾT LUẬN	49

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của công ty	17
Sơ đồ 1.2: Bộ máy kế toán phòng tài chính – kế toán	18
Bảng 2.1 Kết quả kinh doanh theo mặt hàng kinh doanh	20
Bảng 2.2 Kết quả kinh doanh theo thị trường kinh doanh	21
Bảng 2.3 Bảng CĐKT	22
Bảng 2.4 Bảng CĐKT	25
Bảng 2.5 Bảng kết quả kinh doanh	25
Bảng 2.6 Phân tích chi phí của doanh nghiệp	26
Phân tích chi phí của doanh nghiệp	26
Bảng 2.7 Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp	28
Bảng 2.8 bảng lưu chuyển tiền tệ	28
Bảng 2.9 Tỷ số thanh toán ngắn hạn.	29
Bảng 2.10 Tỷ số thanh toán nhanh	31
Bảng 2.11 Tỷ số nợ trên tổng tài sản	32
Bảng 2.12 Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu	32
Bảng 2.13 Tỷ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	33
Bảng 2.14 Tỷ số trang trải lãi vay	33
Bảng 2.15 Vòng quay tồn kho và số ngày tồn kho bình quân.	33
Bảng 2.17 Các khoản phải thu ngắn hạn (2019-2021)	34
Bảng 2.18 Kỳ thu tiền bình quân	35
Bảng 2.19 Vòng quay tài sản cố định.	35
Bảng 2.20 Vòng quay tài sản	36
Bảng 2.21 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	36
Bảng 2.22 ROS	37
Bảng 2.23 ROA.	37
Bảng 2.24 ROE	37
2.3 Phương pháp phân tích Dupont	38
Bảng 2.25 Phân tích Dupont ROA	38

XEM BÀI VIẾT VỀ DỊCH VỤ VIẾT BÁO CÁO THỰC TẬP

NHƯ THẾ NÀO TẠI

<https://baocaothuctap.net/>

Phần mở đầu

THAM KHẢO THÊM LỜI MỞ ĐẦU PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<https://baocaothuctap.net/loi-mo-dau-trong-bao-cao-tai-chinh/>

1. Lý do chọn đề tài

- Để tiến hành sản xuất kinh doanh doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định bao gồm: vốn lưu động, vốn cố định và vốn chuyên dùng khác. Nhiệm vụ của doanh nghiệp là phải tổ chức, huy động và sử dụng vốn sao cho có hiệu quả nhất trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc về tài chính, tín dụng và chấp hành luật pháp. Vì vậy, để kinh doanh đạt hiệu quả mong muốn, hạn chế rủi ro xảy ra doanh nghiệp phải phân tích hoạt động kinh doanh của mình, đồng thời dự đoán điều kiện kinh doanh trong thời gian tới, vạch ra chiến lược phù hợp. Việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp thấy rõ thực trạng tài chính hiện tại, xác định đầy đủ và đúng đắn nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tình hình tài chính. Từ đó có giải pháp hữu hiệu để ổn định và tăng cường tình hình tài chính.

- Phân tích tình hình tài chính là công cụ cung cấp thông tin cho các nhà quản trị nhà đầu tư, nhà cho vay...mỗi đối tượng quan tâm đến tài chính doanh nghiệp trên góc độ khác nhau để phục vụ cho lĩnh vực quản lý, đầu tư của họ. Chính vì vậy, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp là công việc làm thường xuyên không thể thiếu trong quản lý tài chính doanh nghiệp, nó có ý nghĩa thực tiễn và là chiến lược lâu dài. Chính vì tầm quan trọng đó em chọn đề tài “ Phân tích tình hình tài chính của công ty TNHH Thiết Bị An Phú” làm đề tài báo cáo thực tập.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích được tình hình tài chính của công ty TNHH Thiết Bị An Phú, đưa ra được điểm mạnh, điểm yếu để làm căn cứ đề xuất các định hướng giải pháp.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập và phân tích xử lý dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

- Sử dụng bảng câu hỏi để thu thập thông tin trực tiếp từ khách hàng và dùng các phương pháp như tổng hợp, thống kê, so sánh, phân tích, đối chiếu số liệu thứ cấp và sơ cấp.

4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: thành phố Hồ Chí Minh

Phạm vi thời gian: Nghiên cứu hoạt động tài chính của công ty TNHH Thiết Bị An

Phú trong giai đoạn 2019 - 2021

5. Bố cục của đề tài

Bố cục của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1 Cơ sở lý luận

Chương 2 Thực trạng tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú

Chương 3 Giải pháp, kết luận

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

XEM CÁC MẪU CƠ SỞ LÝ LUẬN KHÁC TẠI

<https://baocaohuctap.net/co-so-ly-luan-phan-tich-bao-cao-tai-chinh/>

1.1 Khái quát về phân tích tài chính doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm về phân tích tài chính doanh nghiệp

Hoạt động tài chính là một trong những nội dung cơ bản của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm giải quyết mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ để thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hoá lợi nhuận. Nói cách khác, hoạt động tài chính là những quan hệ tiền tệ gắn trực tiếp với việc tổ chức, huy động phân phối, sử dụng và quản lý vốn trong quá trình kinh doanh.

Hoạt động tài chính ở doanh nghiệp phải hướng tới các mục tiêu sau:

- Hoạt động tài chính phải giải quyết tốt các mối quan hệ kinh tế thể hiện qua việc thanh toán với các đơn vị có liên quan như ngân hàng, các đơn vị kinh tế khác. Mối quan hệ này được cụ thể hoá bằng các chỉ tiêu đánh giá về mặt lượng, mặt chất và thời gian.
- Hoạt động tài chính phải đảm bảo nguyên tắc hiệu quả. Nguyên tắc này đòi hỏi phải tối đa hoá việc sử dụng các nguồn vốn, nhưng vẫn đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được hoạt động bình thường và mang lại hiệu quả.
- Hoạt động tài chính được thực hiện trên cơ sở tôn trọng pháp luật, chấp hành và tuân thủ các chế độ về tài chính tín dụng, nghĩa vụ với Nhà nước, kỷ luật với các đơn vị, tổ chức kinh tế có liên quan.

1.1.2 Tầm quan trọng của phân tích tài chính

Phân tích tài chính có ý nghĩa quan trọng với nhiều đối tượng khác nhau, ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư, tài trợ. Tuy nhiên, phân tích tài chính chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nó phản ánh một cách trung thực tình trạng tài chính doanh nghiệp, vị thế

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Muốn vậy, thông tin sử dụng trong phân tích phải chính xác, có độ tin cậy cao, cán bộ phân tích có trình độ chuyên môn giỏi. Ngoài ra, sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng phân tích tài chính.

1.1.3 Sự cần thiết của phân tích tài chính doanh nghiệp:

1.1.3.1 Đối với các nhà quản trị doanh nghiệp

mỗi quan tâm hàng đầu của họ là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Một doanh nghiệp bị lỗ liên tục, sẽ bị cạn kiệt nguồn lực và buộc phải đóng cửa. Mặt khác nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán cũng buộc phải đóng cửa.

1.1.3.2. Đối với các nhà đầu tư

mỗi quan tâm của họ là thời gian hoàn vốn, mức sinh lãi, và sự rủi ro. Vì vậy họ cần các thông tin về điều kiện tài chính, tình hình hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp. Ngoài ra, các cơ quan tài chính, thống kê, thuế, cơ quan chủ quản, các nhà phân tích tài chính hoạch định chính sách những người lao động ... cũng quan tâm tới thông tin tài chính của doanh nghiệp.

1.1.3.3. Đối với các đối tượng cho vay

mỗi quan tâm hàng đầu của họ chủ yếu là khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy họ đặc biệt quan tâm đến lượng tiền và các tài khoản có thể chuyển nhanh thành tiền, từ đó so sánh với nợ ngắn hạn để biết được khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các chủ ngân hàng và các nhà vay tín dụng cũng rất quan tâm tới số lượng vốn chủ sở hữu, bởi vì số vốn này là khoản bảo hiểm cho họ trong trường hợp doanh nghiệp bị rủi ro.

1.1.3.4. Đối với các cơ quan chức năng của Nhà nước

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà Nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản.

- Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác.
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.
- Thuế và các khoản nộp Nhà Nước.
- Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán.
- Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.1.3.5. Đối với các đối tượng khác

Đối với các nhà cung ứng vật tư hàng hoá, dịch vụ cho doanh nghiệp họ phải quyết định xem có cho phép khách hàng sắp tới được mua chịu hàng hay không, họ cần phải biết được khả năng thanh toán của doanh nghiệp hiện tại, và trong thời gian sắp tới.

1.1.4. Mục tiêu của phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp hay cụ thể hoá là quá trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp là quá trình kiểm tra đối chiếu, so sánh các số liệu, tài liệu và tình hình tài chính hiện hành và trong quá khứ nhằm mục đích đánh giá tiềm năng, hiệu quả kinh doanh cũng như rủi ro trong tương lai. Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất là về tình hình tài sản, vốn và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Do đó, việc thường xuyên tiến hành phân tích tình hình tài chính sẽ cung cấp thông tin cho người sử dụng từ các góc độ khác nhau, vừa đánh giá toàn diện, vừa tổng hợp khái quát, lại vừa xem xét một cách chi tiết hoạt động tài chính của doanh nghiệp để nhận biết phán đoán và đưa ra quyết định tài chính, quyết định đầu tư và quyết định tài trợ phù hợp. Phân tích tình hình tài chính thông qua các báo cáo tài chính của doanh nghiệp là mối quan tâm của nhiều nhóm người. Nhà quản lý, các nhà đầu tư, các cổ đông, các chủ nợ, các khách hàng, các nhà cho vay tín dụng, các cơ quan chính phủ và người lao động ... Mỗi một nhóm người này có nhu cầu thông tin khác nhau.

1.1.5 Phương pháp phân tích

1.1.5.1. Phân tích theo chiều ngang

Phân tích theo chiều ngang các báo cáo tài chính sẽ làm nổi bật biến động của một khoảng mục nào đó qua thời gian, việc phân tích này làm rõ tình hình, đặc điểm về lượng và tỷ lệ các khoản mục theo thời gian. Phân tích giúp đánh giá khái quát biến động các chỉ tiêu tài chính, từ đó đánh giá tình hình tài chính. Đánh giá từ tổng quát đến chi tiết, sau khi đánh giá cho ta liên kết các thông tin để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro, nhận ra những khoản có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

1.1.6.2. Phân tích theo chiều dọc

Phân tích theo chiều dọc là việc xác định tỷ lệ tương quan giữa các khoản mục trên báo cáo tài chính qua đó để xem xét đánh giá thực chất xu hướng biến động một cách đúng đắn mà phân tích theo chiều ngang không thể thực hiện được.

Với báo cáo quy mô chung, từng khoản mục được thể hiện bằng một tỷ lệ kết cấu so với khoản mục được chọn làm gốc có tỷ lệ là 100%. Phân tích theo chiều dọc giúp ta đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu bộ phận so với chỉ tiêu tổng thể tăng hay giảm như thế nào, từ đó đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.1.6.3. Phân tích xu hướng

Xem xét xu hướng biến động qua thời gian là một biện pháp quan trọng để đánh giá các tỷ số trở nên xấu đi hay đang phát triển theo chiều hướng tốt đẹp. Phương pháp này được dùng để so sánh một sự kiện kéo dài trong nhiều năm. Đây là thông tin rất cần thiết cho người quản trị doanh nghiệp và nhà đầu tư.

1.1.6.4. Phân tích theo tỷ số

Phân tích các tỷ số cho biết mối quan hệ của các chỉ tiêu trên báo cáo, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản chất và khuynh hướng tài chính của doanh nghiệp. Hơn nữa, việc phân tích các tỷ số để thấy rõ hơn thực trạng tài chính của doanh nghiệp, tỷ số tài chính là mối quan hệ giữa hai khoản mục trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh. Mỗi tỷ số tài chính phản ánh một nội dung khác nhau về tình hình

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
tài chính của doanh nghiệp, chúng sẽ cung cấp nhiều thông tin hơn khi được so sánh
với các chỉ số có liên quan.

1.2 Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp

1.2.1. Quy trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

Có nhiều cách để đánh giá tình hình tài chính của một doanh nghiệp, tuy nhiên để đơn giản hóa cho quá trình phân tích, thông thường các báo cáo tài chính doanh nghiệp sẽ thực hiện phân tích bằng các phương pháp theo quy trình sau đây:

- Bước 1: Kiểm tra và xác định các tình hình nội tại của doanh nghiệp.

Kết quả trong quá trình phân tích đều là kết quả từ mỗi hoạt động kinh doanh tại một thời gian, không gian cụ thể, bị những yếu tố bên ngoài tác động, nên trước khi sử dụng các phương pháp phân tích, cần xem xét các yếu tố dưới đây để loại trừ những ảnh hưởng gây méo mó hay sai lệch:

- + Những thay đổi lớn trong hoạt động kinh doanh: đầu tư, sáp nhập, chia tách....
- + Những khoản mục không thường xuyên, không định kỳ
- + Thay đổi trong chính sách kế toán
- + Những thay đổi bất thường khác

- Bước 2: Phân tích các khoản mục.

Trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có rất nhiều các khoản mục, tuy nhiên chỉ tập trung phân tích một số khoản mục chính sau:

- + Các khoản phải thu.
- + Hàng tồn kho.
- + Tài sản cố định và đầu tư dài hạn.
- + Nợ phải trả.
- + Vốn chủ sở hữu.
- + Cân đối tài chính của doanh nghiệp.
- + Doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

- Bước 3: Phân tích chỉ số

Một nhận định từ chỉ số sẽ chính xác nếu chúng ta xem xét nó trên tổng thể các chỉ số khác, các khuynh hướng, các vấn đề đang xảy ra tại doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung.

- Bước 4: Phân tích dòng tiền.

Phân tích dòng tiền là cách cơ bản chỉ ra luồng tiền dịch chuyển của dòng tiền. Phân tích yếu tố này được sử dụng để trình bày mục đích sử dụng tiền như thế nào trong quá khứ, và chứng minh các quỹ sẽ được sử dụng như thế nào trong tương lai.

- + Hệ số dòng tiền vào từ hoạt động kinh doanh so với tổng dòng tiền vào.
- + Hệ số dòng tiền từ hoạt động đầu tư so với tổng dòng tiền vào.
- + Hệ số dòng tiền vào từ hoạt động tài chính so với tổng dòng tiền vào.

- Bước 5: Kiểm tra tính hợp lý của các nội dung trong báo cáo tài chính.

Là hoạt động phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng, biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến. Chủ yếu tập trung vào các công việc sau:

- So sánh thông tin tương ứng trong kỳ này với các kỳ trước.
- So sánh giữa thực tế với kế hoạch của công ty (Ví dụ: Kế hoạch sản xuất, kế hoạch bán hàng ...)
- So sánh giữa thực tế với ước tính (Ví dụ: Chi phí khấu hao ước tính...)
- So sánh giữa thực tế của công ty với các doanh nghiệp trong cùng ngành có cùng quy mô hoạt động, hoặc với số liệu thống kê, định mức cùng ngành (Ví dụ: Tỷ suất đầu tư, tỷ lệ lãi gộp...).

Song song đó, quy trình phân tích cũng bao gồm việc xem xét các mối quan hệ:

- Giữa các thông tin tài chính với nhau (Ví dụ: Mối quan hệ giữa lãi gộp với doanh thu...)
- Giữa các thông tin tài chính với các thông tin phi tài chính (Ví dụ: Mối quan hệ giữa chi phí nhân công với số lượng nhân viên...).

Đây là một quy trình cơ bản trong phân tích báo cáo tài chính, tùy đặc thù doanh nghiệp, hoạt động phân tích báo cáo tài chính sẽ tập trung phân tích vào một trước trọng tâm trong quy trình.

1.2.2. Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp

1.2.2.1 Phân tích kết cấu BCTC

Bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp dưới hình thái tiền tệ tại một thời điểm nhất định (cuối tháng, cuối quý, cuối năm).

Nội dung và kết cấu của bản cân đối Kế toán:

Bảng cân đối Kế toán gồm 2 phần:

- Phần tài sản: phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo theo cơ cấu tài sản và hình thức tồn tại trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Các tài sản được sắp xếp theo khả năng hoán chuyển thành tiền theo thứ tự giảm dần.
 - Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn
 - Tài sản cố định và đầu tư dài hạn
- Phần nguồn vốn: phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo. Các loại nguồn vốn được sắp xếp theo trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc sử dụng nguồn vốn với chủ nợ và chủ sở hữu.
 - Nợ phải trả
 - Nguồn vốn chủ sở hữu

Ngoài ra bảng cân đối kế toán còn có “các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” bổ sung các thông tin khác chưa có trên bảng cân đối Kế toán: Tài sản thuê ngoài, ngoài tài sản các loại hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi, nguồn vốn khấu hao.

- Đối với BCKQKD:

Nội dung và kết cấu của bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm 2 phần:

- Lãi lỗ :thể hiện toàn bộ lãi (lỗ) của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính. Bao gồm:
 - Doanh thu: bao gồm tổng doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh thu thuần
 - Giá vốn hàng bán: Phản ánh toàn bộ chi phí để mua hàng và để sản xuất

- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm chi phí lưu thông và chi phí quản lý
- Lãi (hoặc lỗ): phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước: bao gồm các chỉ tiêu phản ánh nghĩa vụ đối với nhà nước của doanh nghiệp và các khoản thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí hoạt động công đoàn, các khoản chi phí và lệ phí,...

1.2.2.2 Phân tích biến động

+ So sánh chỉ tiêu thực tế với các chỉ tiêu kế hoạch, dự kiến hoặc định mức. Đây là phương thức quan trọng nhất để đánh giá mức độ thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, định mức và kiểm tra tính có căn cứ của nhiệm vụ kế hoạch được đề ra.

+ So sánh chỉ tiêu thực hiện giữa các kỳ trong năm và giữa các năm cho thấy sự biến đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ So sánh các chỉ tiêu của doanh nghiệp với các chỉ tiêu tương ứng của doanh nghiệp cùng loại hoặc của doanh nghiệp cạnh tranh.

+ So sánh các thông số kinh tế- kỹ thuật của các phương án sản xuất kinh doanh khác nhau của doanh nghiệp.

1.2.3. Phân tích tình hình tài chính theo các nhóm chỉ tiêu tài chính chủ yếu

1.2.3.1. Các tỷ số về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán hiện hành

Phân tích khả năng thanh toán để xem xét tài sản của Doanh nghiệp có đủ trang trải các khoản nợ phải trả trong ngắn hạn. Tỷ số này thể hiện mối quan hệ tương đối giữa tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn là một trong những thước đo khả năng thanh toán của doanh nghiệp .

$$\text{Tỷ số thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số thanh toán hiện thời (Rc) được xác định dựa vào số liệu từ bảng cân đối kế toán, tỷ số này cho biết mỗi đồng nợ ngắn hạn phải trả của Doanh nghiệp có bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn có thể huy động ngay để thanh toán.

Hệ số thanh toán nhanh

Tỷ số thanh toán nhanh (Rq) phản ánh khả năng thanh toán thực sự của Doanh nghiệp trước những khoản nợ ngắn hạn. Tỷ số này được tính toán dựa trên những tài sản ngắn hạn có thể nhanh chóng chuyển đổi thành tiền, không bao gồm khoản mục hàng tồn kho, vì hàng tồn kho là tài sản khó hoán chuyển thành tiền, nhất là hàng tồn kho ứ đọng kém phẩm chất.

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Thanh khoản nhanh hơn

$$\text{Tỷ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền} + \text{Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Tỷ số thanh toán nhanh (Rq) cũng được xác định dựa vào thông tin từ bảng cân đối kế toán, tỷ số này cho biết trong một đồng nợ ngắn hạn thì khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp là bao nhiêu.

1.2.3.2. Các tỷ số về cơ cấu tài chính

Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản

Tỷ số nợ trên tổng tài sản thường gọi là tỷ số nợ (D/A), đo lường mức độ sử dụng nợ của Doanh nghiệp để tài trợ cho tổng tài sản. Điều này, có nghĩa là trong số tài sản hiện tại của Doanh nghiệp được tài trợ khoảng bao nhiêu phần trăm là nợ phải trả.

$$\text{Tỷ số nợ so với tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Giá trị tổng tài sản}}$$

Khả năng thanh toán lãi vay hay số lần có thể trả lãi

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi}}{\text{Lãi tiền vay}}$$

Khả năng thanh toán lãi vay cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo cho khả năng trả lãi hàng năm. Việc không trả được các khoản nợ này có thể làm cho doanh nghiệp bị phá sản. Cùng với tỷ lệ nợ trên tổng tài sản, tỷ lệ này giúp ta thấy được tình trạng thanh toán công nợ của doanh nghiệp tốt hay xấu. Một tỷ lệ nợ trên tổng tài sản cao cộng với khả năng thanh toán lãi thấp so với mức trung bình của ngành sẽ khiến cho doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc muốn gia tăng nợ.

Khả năng độc lập về tài chính

$$\text{Khả năng độc lập về tài chính} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Vốn trung và dài hạn}}$$

Tỷ lệ này phản ánh khả năng tự bảo đảm về mặt tài chính và tính chủ động trong kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ lệ này càng lớn thì tài sản của doanh nghiệp càng ít chịu rủi ro. Tuy nhiên, chi phí của vốn lớn hơn chi phí vay nợ và việc tăng vốn cổ có thể dẫn đến bị san sẻ quyền lãnh đạo doanh nghiệp.

Tỷ lệ về cơ cấu tài sản

$$\text{Tỷ lệ về cơ cấu tài sản} = \frac{\text{Tài sản cố định hoặc tài sản lưu động}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung và máy móc thiết bị nói riêng của doanh nghiệp. Nó cho biết năng lực sản xuất và xu hướng phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Giá trị của chỉ tiêu này tùy thuộc vào từng ngành kinh doanh cụ thể.

1.2.3.3. Các tỷ số về hoạt động

Vòng quay tiền

Tiền là khoản mục có tính lỏng cao nhất trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Việc giữ tiền và các tài sản tương đương tiền đem lại cho doanh nghiệp nhiều lợi thế như chủ động trong kinh doanh, mua hàng trả tiền ngay được hưởng chiết khấu, ngoài ra khi vật tư hàng hoá rẻ doanh nghiệp có thể dự trữ với lượng lớn tạo điều kiện giảm chi phí sản xuất. Tuy nhiên, tiền được lưu giữ ở mức không hợp lý có thể gây ra nhiều bất lợi. Thứ nhất, điều kiện thiếu vốn đang phổ biến ở các doanh nghiệp thì việc giữ quá nhiều tiền sẽ gây ứ đọng vốn, hạn chế khả năng đầu tư vào các tài sản khác, do đó

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
 lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị giảm. Thứ hai, do có giá trị theo thời gian và do chịu tác động của lạm phát, tiền sẽ bị mất giá. Vì vậy, cần quan tâm đến tốc độ vòng quay tiền sao cho đem lại khả năng sinh lợi cao nhất cho doanh nghiệp.

$$\text{Vòng quay tiền} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tiền và chứng khoán ngắn hạn để bán}}$$

Vòng quay hàng tồn kho

Vòng quay hàng tồn kho phản ánh mối quan hệ giữa hàng tồn kho và giá vốn hàng bán trong một kỳ. Để đánh giá hiệu quả quản lý tồn kho của doanh nghiệp, ta có thể sử dụng tỷ số hoạt động tồn kho. Tỷ số này có thể đo lường bằng chỉ tiêu số vòng quay hàng tồn kho trong một năm và số ngày tồn kho.

$$V_t \text{ Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Doanh thu}}{\frac{\text{Giá trị hàng tồn kho}}{\text{Số ngày}}}$$

$$\text{Số ngày hàng tồn kho} = \frac{\text{Số ngày trong năm}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

Tuy nhiên, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho có thể được xác định bằng cách :

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Bình quân giá trị tồn kho}}$$

Số vòng quay hàng tồn kho càng lớn hoặc số ngày một vòng quay hàng tồn kho càng nhỏ thì tốc độ luân chuyển hàng tồn kho càng nhanh. Tuy nhiên nếu quá cao lại thể

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
hiện sự trục trặc trong khâu cung cấp, hàng hoá cung ứng không kịp cung ứng cho khách hàng, gây mất uy tín doanh nghiệp.

Kỳ thu tiền bình quân

Vòng quay khoản phải thu có thể chuyển đổi thành công thức dựa theo thời gian được gọi là kỳ thu tiền bình quân hay tuổi nợ bình quân.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Ngày trong năm}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Số vòng quay nợ phải thu càng lớn và số ngày một vòng quay càng nhỏ thể hiện tốc độ luân chuyển nợ phải thu càng nhanh, khả năng thu hồi nợ nhanh. Tỷ số vòng quay nợ phải thu cao hay thấp phụ thuộc vào chính sách bán chịu của doanh nghiệp

Vòng quay vốn lưu động

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động}}$$

Chỉ tiêu này cho biết vốn lưu động quay được mấy vòng trong kỳ. Nếu số vòng quay tăng chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn tăng và ngược lại. Chỉ tiêu này còn được gọi là hệ số luân chuyển. Đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn sẽ góp phần giải quyết nhu cầu về vốn cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định

Tỷ số này đo lường hiệu quả sử dụng tài sản dài hạn, chủ yếu quan tâm đến tài sản cố định như máy móc, thiết bị và nhà xưởng. Cũng như vòng quay tài sản ngắn hạn, tỷ số này được xác định riêng biệt nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của riêng tài sản dài hạn.

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tài sản cố định}}$$

$$\text{Số ngày của một vòng quay TSCĐ} = \frac{\text{Số vòng quay TSCĐ}}{\text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}$$

Số vòng quay của tài sản cố định càng lớn và số ngày một vòng quay tài sản cố định càng nhỏ thể hiện khả năng thu hồi vốn tài sản cố định của doanh nghiệp nhanh hơn , tạo điều kiện tích lũy, tái đầu tư TSCĐ mới cải thiện tư liệu sản xuất,....

Hiệu suất sử dụng tổng tài sản

Tỷ số này đo lường hiệu quả sử dụng tài sản nói chung mà không có phân biệt đó là tài sản ngắn hạn hay tài sản dài hạn. Tỷ số này đo lường hiệu quả sử dụng tài sản của Doanh nghiệp nói chung bao gồm cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, nhằm giúp cho nhà quản trị thấy được hiệu quả đầu tư của Doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn như thế nào.

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\frac{\text{Tổng tài sản} \times \text{Số ngày trong kỳ (360 ngày)}}{\text{Số ngày của một vòng quay tổng TS}}}$$

Số vòng quay của tổng tài sản càng lớn và số ngày một vòng quay càng nhỏ thể hiện khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp nhanh hơn, tạo điều kiện hạn chế vốn dự trữ, bị chiếm dụng,....

1.2.3.4. Các tỷ số về doanh lợi

Doanh lợi tiêu thụ sản phẩm

$$\text{Doanh lợi tiêu thụ sản phẩm} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Chỉ tiêu trên phản ánh số lợi nhuận sau thuế có trong một đồng doanh thu. Chỉ tiêu này có thể tăng giảm giữa các kỳ tùy theo sự thay đổi của doanh thu thuần và chi phí. Nếu doanh thu thuần giảm hoặc tăng không đáng kể trong khi đó chi phí tăng lên

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
 với tốc độ lớn hơn sẽ dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm và kết quả là doanh lợi tiêu thụ sản phẩm thấp. Khi đó, doanh nghiệp vẫn cần xác định rõ nguyên nhân của tình hình để có giải pháp khắc phục.

Doanh lợi vốn chủ sở hữu

Được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho vốn chủ sở hữu. Nó phản ánh khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu và được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm khi họ quyết định bỏ vốn đầu tư vào doanh nghiệp. Tăng mức doanh lợi vốn chủ sở hữu cũng là mục tiêu của hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp. Ta xét các nhân tố ảnh hưởng đến doanh lợi vốn chủ sở hữu như sau:

$$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Như vậy, doanh lợi vốn chủ sở hữu chịu ảnh hưởng của ba nhân tố :

- Doanh lợi tiêu thụ sản phẩm.
- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản.
- Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản.

Vì vậy, khi xem xét sự biến động của doanh lợi vốn chủ sở hữu ta cần phân tích sự thay đổi của cả ba yếu tố trên để đưa ra những kết luận đúng đắn.

Doanh lợi vốn

Đây là chỉ tiêu tổng hợp nhất được dùng để đánh giá khả năng sinh lời của một đồng vốn đầu tư (ROA). Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của doanh nghiệp được phân tích và phạm vi so sánh mà người ta lựa chọn lợi nhuận trước thuế và lãi hay lợi nhuận sau thuế để so sánh với tổng tài sản. Đối với doanh nghiệp có sử dụng nợ trong kinh doanh, người ta thường sử dụng chỉ tiêu doanh lợi vốn xác định bằng cách chia lợi nhuận trước thuế và lãi cho tổng tài sản.

$$\text{Doanh lợi vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{Tổng tài sản}}$$

1.2.4. Phương pháp phân tích tài chính Dupont

Công thức DuPont thường được biểu diễn dưới hai dạng bao gồm dạng cơ bản và dạng mở rộng. Tùy vào mục đích phân tích mà nhà phân tích sẽ sử dụng dạng thức phù hợp cho mình. Tuy nhiên cả hai dạng này đều bắt nguồn từ việc khai triển chỉ tiêu ROE (tỷ

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
 lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) một chỉ tiêu quan trọng bậc nhất trong phân tích hiệu
 quả hoạt động của doanh nghiệp.

Dạng cơ bản:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn kinh doanh bình quân}} \times \frac{\text{Tổng vốn kinh doanh bình quân}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

Như vậy qua khai triển chỉ tiêu ROE chúng ta có thể thấy chỉ tiêu này được cấu thành bởi ba yếu tố chính là lợi nhuận ròng biên, vòng quay tài sản và đòn bẩy tài chính có nghĩa là để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh (tức là gia tăng ROE) doanh nghiệp có 3 sự lựa chọn cơ bản là tăng một trong ba yếu tố trên. Thứ nhất doanh nghiệp có thể gia tăng khả năng cạnh tranh nhằm nâng cao doanh thu và đồng thời tiết giảm chi phí nhằm gia tăng lợi nhuận ròng biên.

Thứ hai doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh bằng cách sử dụng tốt hơn các tài sản sẵn có của mình nhằm nâng cao vòng quay tài sản. Hay nói một cách dễ hiểu hơn là doanh nghiệp cần tạo ra nhiều doanh thu hơn từ những tài sản sẵn có. Một ví dụ đơn giản và khá thú vị có thể minh chứng cho điều này là giả sử bạn có một cửa hàng mặt phố nhỏ ban sáng bạn bán đồ ăn sáng, buổi trưa bạn bán cơm bình dân cho dân văn phòng và buổi tối bạn bán cà phê. Như vậy với cùng một tài sản là cửa hàng bạn đã gia tăng được doanh thu nhờ biết bán những thứ cần thiết vào thời gian thích hợp.

Thứ ba doanh nghiệp có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh bằng cách nâng cao đòn bẩy tài chính hay nói cách khác là vay nợ thêm vốn để đầu tư. Nếu mức lợi nhuận trên tổng tài sản của doanh nghiệp cao hơn mức lãi suất cho vay thì việc vay tiền để đầu tư của doanh nghiệp là hiệu quả.

Khi áp dụng công thức DuPont vào phân tích các nhà phân tích nên tiến hành so sánh chỉ tiêu ROE của doanh nghiệp qua các năm. Sau đó phân tích xem sự tăng trưởng hoặc tụt giảm của chỉ số này qua các năm bắt nguồn từ nguyên nhân nào trong ba nguyên nhân kể trên từ đó đưa ra nhận định và dự đoán xu hướng của ROE trong các năm sau.

Ví dụ nhà phân tích nhận thấy chỉ tiêu ROE tăng vọt qua các năm xuất phát từ việc Doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính ngày càng tăng thì nhà phân tích cần tự hỏi xem liệu xu hướng này có tiếp tục được hay không? Lãi suất trong các năm tới có cho phép Doanh nghiệp tiếp tục sử dụng chiến lược này không? Khả năng tài chính của Doanh nghiệp có còn đảm bảo an toàn không?

Nếu sự gia tăng ROE đến từ việc gia tăng biên lợi nhuận hoặc vòng quay tổng tài sản thì đây là một dấu hiệu tích cực tuy nhiên các nhà phân tích cần phân tích sâu hơn. Liệu sự tiết giảm chi phí của doanh nghiệp có thể tiếp tục diễn ra không và nó bắt nguồn từ đâu? Doanh thu có tiếp tục tăng không với cơ cấu sản phẩm của Công ty như hiện nay và sẽ tăng ở mức nào?

Dạng mở rộng: là dạng khai triển thêm từ dạng thức cơ bản bằng cách tiếp tục khai triển chỉ tiêu lợi nhuận ròng biên.

$$\text{ROE} = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu}}{\text{Vòng quay toàn bộ vốn}} \times \frac{1}{1 - \text{Hệ số nợ}}$$

Dạng thức mở rộng của công thức Du Pont cũng phân tích tương tự như dạng thức cơ bản song nhà phân tích phải nhìn sâu hơn vào cơ cấu của biên lợi nhuận ròng nhờ nhìn vào ảnh hưởng từ các khoản lợi nhuận khác ngoài khoản lợi nhuận đến từ hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp và ảnh hưởng của thuế.

Nhìn vào chỉ tiêu này các nhà phân tích sẽ đánh giá được mức tăng biên lợi nhuận của doanh nghiệp đến từ đâu. Nếu nó chủ yếu đến từ các khoản lợi nhuận khác như thanh lý tài sản hay đến từ việc doanh nghiệp được miễn giảm thuế tạm thời thì các nhà phân tích cần lưu ý đánh giá lại hiệu quả hoạt động thật sự của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ

2.1 Giới thiệu Công ty TNHH Thiết Bị An Phú

2.1.1. Quá trình thành lập

Công ty TNHH Thiết Bị An Phú được thành lập theo giấy phép kinh doanh số **0308205056** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 06 năm 2009

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ**

- Địa chỉ: L52 Đường Số 7, Khu Dân Cư Phú Mỹ Khu Phố 2, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: +84 62 62 88 88

- Fax: +84 8-62 62 63 33

Công ty TNHH Thiết Bị An Phú là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ theo luật định, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo điều lệ, luật Doanh nghiệp.

2.1.2. Chức năng của Công ty

● **Chức năng:** kinh doanh thương mại, Dịch vụ, Tư vấn

- Mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng, máy fax, máy quay phim, chụp ảnh, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế.
- Cho thuê thiết bị văn phòng.

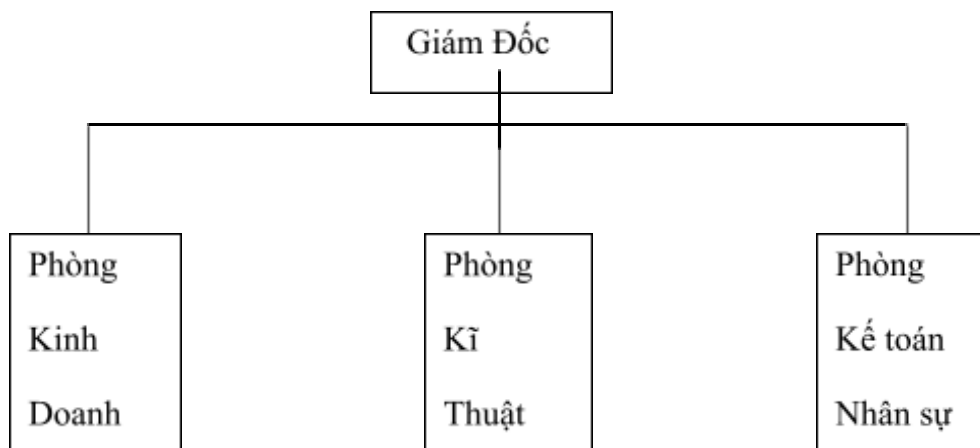
● **Nhiệm vụ của công ty:**

- Đối với khách hàng: mang lại cho người tiêu dùng sự phục vụ tiện nghi và giá trị thương hiệu tốt nhất.
- Đối với nội bộ công ty: luôn bảo đảm trách nhiệm và quyền lợi của người lao động theo đúng luật lao động. Không ngừng quan tâm tới đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên, nâng cao năng lực, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp.
- Đối với nhà nước: hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ đối với các chính sách kinh tế theo đúng quy định của nhà nước.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty

Xem thêm Kho 95 bài ==> **Báo cáo thực tập tài chính doanh nghiệp**

<https://baocaothuctap.net/bao-cau-thuc-tap-tai-chinh-doanh-nghiep/>



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của công ty

(Nguồn: Phòng nhân sự)

❖ **Nhiệm vụ chính của các phòng ban:**

+ **Giám đốc:** Là người đại diện cho nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty trước pháp luật. Đồng thời tham gia điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

+ **Phòng kinh doanh:** Tham mưu cho Giám đốc về chiến lược kinh doanh mua, tìm kiếm, xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng: chăm sóc khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng, dự thảo hợp đồng kinh tế, xây dựng phương án kinh doanh, bán sản phẩm hàng hoá, thiết lập quan hệ bạn hàng để cung cấp hàng hoá, đáp ứng nhu cầu kinh doanh với chất lượng, chế độ bảo hành uy tín, chất lượng.

+ **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm quản lý về kỹ thuật, tham mưu trong công tác quản lý thiết bị.

+ **Phòng Kế toán-Nhân sự :** có nhiệm vụ thu thập, phân tích, xử lý, kiểm tra các nghiệp vụ thu, chi của công ty. Quản lý các hóa đơn, chứng từ Lập kế hoạch về việc

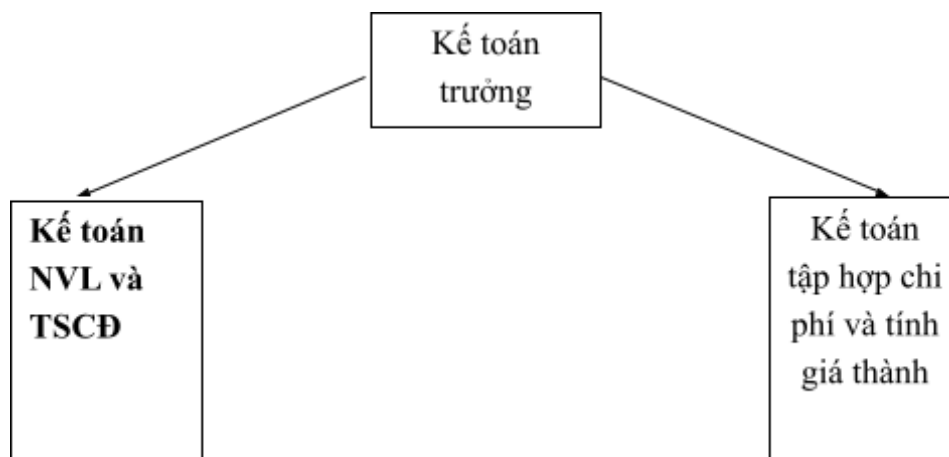
Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
tuyển dụng, bố trí nhân sự theo sự cần thiết của hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch đào tạo cho cán bộ công nhân viên để phù hợp với yêu cầu của công việc.

Phòng tài chính kế toán của công ty có chức năng theo dõi toàn bộ các mặt liên quan tới tài chính của doanh nghiệp nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng chế độ chính sách hợp lý và phục vụ cho sản xuất có hiệu quả. Đồng thời có nhiệm vụ tổ chức thực hiện kế toán trong phạm vi công ty.

Phòng kế toán có quyền yêu cầu các phòng ban, các cá nhân có liên quan tới các chứng từ kế toán phải cung cấp kịp thời tất cả các thông tin có liên quan tới các chứng từ gốc nhằm xác định tính có thực của các thông tin, có quyền độc lập về nghiệp vụ và phản ánh những quan điểm của mình về các vấn đề liên quan tới thực hiện thể chế, chế độ chính sách.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất, công ty áp dụng hình thức tổ chức công tác kế toán kiểu tập trung có nghĩa là toàn doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán. Hiện nay, bộ máy kế toán của công ty được xây dựng trên mô hình kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán. Mô hình được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Bộ máy kế toán phòng tài chính – kế toán



(Nguồn: Phòng nhân sự)

Chức năng các bộ phận

- **Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán:** Do Ban Giám đốc bổ nhiệm, có nhiệm vụ giám sát, phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán, chỉ đạo phương thức hạch toán, tham mưu tình hình tài chính và thông tin kịp thời cho ban Giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, giải thích các Báo cáo tài chính với các cơ quan quản lý cấp trên.

- **Kế toán TSCĐ và vật tư:** Có nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết các loại TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, theo dõi lượng nhập - xuất - tồn vật tư toàn công ty.

- **Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành:** Có nhiệm vụ là tổng hợp và chi tiết các khoản chi phí và tính giá thành cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

2.1.4. Một số đặc điểm về chính sách kế toán tại công ty

- **Nguyên tắc xác định các khoản tiền** (*tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển*)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài khoản thuộc loại doanh thu, chi phí, tài sản cố định, hàng tồn kho được ghi sổ kế toán bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

- Ghi nhận khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.1.4. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1.4.1 Hoạt động kinh doanh chính

Bảng 2.1 Kết quả kinh doanh theo mặt hàng kinh doanh

ĐVT: Ngàn đồng

S T T	Mặt hàng	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2020/ 2019		Năm 2021/ 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tốc độ tăng (%)	Giá trị	Tốc độ tăng (%)

1	Sản phẩm	624,680	75	521,968	72	399,589	69	-102,712	84	-122,380	77
2	Dịch vụ	208,227	25	202,988	28	179,525	31	-5,239	97	-23,462	88
Tổng		832,907	100	724,956	100	579,114	100	-107,951	87	-145,842	80

(Nguồn: Phòng kế toán)

Nhận xét:

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của công ty TNHH Thiết Bị An Phú cho thấy công ty vẫn tập trung vào buôn bán sản phẩm như: thiết bị văn phòng, máy photocopy, máy vi tính, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoạilà mặt hàng chủ lực của công ty. Doanh thu chủ yếu của công ty TNHH Thiết Bị An Phú là mua bán sản phẩm chiếm 75% tương đương 624,680 triệu đồng , kể đến là dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị văn phòng.... Chiếm 25% tương đương 208,227 triệu đồng. Năm 2020 tổng doanh các mặt hàng là 724,956 triệu đồng giảm 13% so với năm 2019. Năm 2021, doanh thu công ty tiếp tục giảm còn 579,114 triệu đồng giảm 145,842 triệu đồng tương ứng giảm 20%. Doanh thu giảm do cơ cấu các mặt hàng giảm đều, có sự dịch chuyển nhẹ tăng lên của dịch vụ. Do năm vừa qua, công ty có các khách hàng là hộ gia đình, công ty tăng lên đáng kể.

Bảng 2.2 Kết quả kinh doanh theo thị trường kinh doanh**Đvt: ngàn đồng**

S T T	Thị trường	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2020/năm 2019		Năm 2021/năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tốc độ tăng (%)	Giá trị	Tốc độ tăng (%)
1	TP.HCM	541,390	65	405,975	56	301,139	52	(135,414)	75	(104,836)	74
2	Khác	291,517	35	318,981	44	277,975	48	27,463	109	(41,006)	87
Tổng		832,907	100	724,956	100	579,114	100	(107,951)	87	(145,842)	80

Nhìn chung qua ba năm 2019- 2020- 2021, Doanh thu theo thị trường TP.HCM chiếm tỷ trọng cao hơn so với các thị trường khác. Năm 2019 thị trường TP.HCM chiếm 65% tương đương 541,390 triệu đồng, các thị trường khác chiếm tỷ lệ 35% tương đương 291,517 triệu đồng. Do thị trường TP.HCM vẫn là thị trường trọng điểm và có nhiều khách hàng quen của công ty. Tại các thị trường khác công ty đang từng bước xây dựng thương hiệu nên doanh thu có phần thấp hơn.

- Năm 2020 doanh thu giảm rõ rệt so với năm 2019. Và tỷ trọng giữa các thị trường có sự chuyển dịch rõ rệt so với năm 2019. Tỷ trọng tại thị trường TP.HCM giảm còn 56% tương đương 405,975 triệu đồng và ở các thị trường khác đã tăng lên 44% tương đương 318,981 triệu đồng. Cho thấy công ty TNHH Thiết Bị An Phú đã mở rộng thị trường sang các tỉnh khác thành công

- Năm 2021, doanh thu tiếp tục giảm do sự ảnh hưởng của nền kinh tế, và tiếp tục có sự chuyển dịch thị trường từ TP.HCM sang các thị trường khác. Doanh thu giảm 145,842 triệu đồng tương đương với giảm 20%

2.1.5 Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động kinh doanh

Hầu hết các chỉ số tài chính qua ba năm đều giảm vào năm 2020 và tăng nhẹ vào năm 2021. Điều này phản ánh sự tác động của thị trường có ảnh hưởng nhiều đến doanh nghiệp. Doanh thu giảm nhưng khả năng sinh lãi của doanh nghiệp cao cho thấy trong các chính sách tài chính công ty chưa thật sự có những bước đi đúng đắn. Các khoản phải thu khách hàng thấp, nguồn vốn công ty sử dụng hiệu quả chưa cao

Nợ ngắn hạn của công ty tuy chiếm tỷ trọng cao nhưng có xu hướng giảm dần, góp phần làm tăng khả năng thanh toán của công ty.

Thực tế cho thấy tình hình tài chính của Công ty tương đối lành mạnh và có nhiều triển vọng khả quan trong tương lai. Xu hướng tích cực này càng góp phần làm cho Công ty có chỗ đứng vững trong cạnh tranh và khẳng định được vị trí của mình trong nền kinh tế thị trường.

2.2 Phân tích tình hình tài chính Công ty TNHH Thiết Bị An Phú**2.2.1 . Phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp**

Đối tượng phân tích chủ yếu là các chỉ tiêu kinh tế trên BCDKT qua các năm, việc phân tích giúp cho đánh giá tình hình tài chính của công ty một cách tổng quát nhất về sử dụng vốn và nguồn vốn. Sau khi so sánh đối chiếu số liệu trên theo nguyên tắc:

$$\text{Tổng tài sản} = \text{Tổng nguồn vốn}$$

2.2.1.1. Phân tích bảng CĐKT**a. Phân tích chiều ngang****Bảng 2.3 Bảng CĐKT***Đvt: ngàn đồng*

TÀI SẢN	2019	2020	2021	2020/2019		2021/2020	
				+/-	%	+/-	%
– TÀI SẢN NGẮN HẠN	186,008	169,347	161,154	-16,661	91.0	-8,193	95.2
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	37,136	81,600	62,313	44,464	219.7	-19,287	76.4
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	46,535	36,752	36,301	-9,783	79.0	-451	98.8
3. Hàng tồn kho	94,919	47,840	58,901	-47,079	50.4	11,061	123.1
4. Tài sản ngắn hạn khác	7,419	3,155	3,639	-4,264	42.5	484	115.3
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	166,764	156,450	76,926	-10,314	93.8	-79,524	49.2
1. TS cố định	148,355	140,301	63,685	-8,054	94.6	-76,616	45.4
2. Các khoản phải thu dài hạn	7,947	6,480	4,715	-1,467	81.5	-1,765	72.8

3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8,081	8,081	8,081	0	100.0	0	100.0
4. Tài sản dài hạn khác	2,381	1,588	445	-793	66.7	-1,143	28.0
Tổng cộng tài sản	352,772	325,796	310,072	-26,976	92.4	-15,724	95.2
NGUỒN VỐN							
A. Nợ phải trả	89,219	51,707	40,612	-37,512	58.0	-11,095	78.5
1. Nợ ngắn hạn	87,671	48,873	38,930	-38,798	55.7	-9,943	79.7
2. Nợ Dài hạn	1,548	2,834	1,682	1,286	183.1	-1,152	59.4
B. Vốn chủ sở hữu	226,020	234,989	233,562	8,969	104.0	-1,427	99.4
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	226,020	234,989	233,562	8,969	104.0	-1,427	99.4
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	352,772	325,796	310,072	-26,976	92.4	-15,724	95.2

(Nguồn: Phòng kế toán)

Năm 2019 -2020

Phân tài sản: Tài sản ngắn hạn giảm 9% tương ứng với 16,661 ngàn đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản thu ngắn hạn giảm 21% tương đương 9,783 ngàn đồng, hàng tồn kho giảm 47,079 ngàn đồng tương đương giảm 49.6%, tài sản ngắn hạn khác giảm 57.5% tương đương giảm 4,264 ngàn đồng. Trong khi đó, Các khoản tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt tăng đến 219.7% tương ứng với 44,464 ngàn đồng. Các khoản phải thu giảm thể hiện khả năng chiếm lĩnh thị trường của doanh nghiệp đang sụt giảm.

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
Tài sản cố định giảm 5.4% tương đương 8,054 do trong năm công ty đã thanh lý một số trang thiết bị đã cũ

Phần nguồn vốn: Nợ phải trả giảm 37,512 với tỷ lệ 42% .

Vốn chủ sở hữu tăng 8,969 ngàn đồng yếu do lợi nhuận chưa phân phối để lại, điều này chứng tỏ kết quả kinh doanh trong năm đã đem lại hiệu quả.

Năm 2020 – 2021

Phần tài sản: Tài sản ngắn hạn năm 2021 giảm 4.2% tương ứng với 8,193 ngàn đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản tiền mặt giảm 23.6% tương đương 19,287 ngàn đồng, các khoản phải thu khách hàng giảm 1.2% tương đương giảm 451 ngàn đồng. Hàng tồn kho tăng và tài sản ngắn hạn tăng đến 123.1% tương ứng với 11,061 ngàn đồng và 484 ngàn đồng

Tài sản cố định giảm mạnh 54.6% tương đương 76,616 ngàn đồng, công ty đang thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh

Phần nguồn vốn: Nợ phải trả giảm 21.5% tương ứng với 11,095 ngàn đồng. Trong đó, hoàn toàn là nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, cho thấy công ty đang thu hẹp quy mô sản xuất. Vốn chủ sở hữu giảm 1,427, điều này chứng tỏ kết quả kinh doanh trong năm đã chưa đem lại hiệu quả.

b. Phân tích theo chiều dọc

Bảng 2.4 Bảng CĐKT

ĐVT: %

	2019	2020	2021
Tiền và các khoản tương đương với tiền /TSNH	19.96	48.19	38.67
phải thu KH/TSNH	25.02	21.70	22.53
NPT/Tổng cộng nguồn vốn	25.29	15.87	13.10
NNH/NPT	98.26	94.52	95.86
VCSH/Tổng cộng nguồn vốn	64.07	72.13	75.33

(Nguồn: Phòng kế toán)

Về tài sản: Do sự biến động của các loại tài sản là khác nhau nên tỷ trọng từng loại tài sản trong tổng tài sản đều có biến động. Tiền và các khoản tương đương tiền mặt tăng

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh từ 19.96% lên 48.19% năm 2020 và năm 2021 giảm xuống còn 38.67% . Do ảnh hưởng nền kinh tế không ổn định nên khoản tiền và các khoản tương đương tiền mặt chiếm tỷ trọng ngày càng giảm (phù hợp với nhận xét theo chiều ngang). Khoản phải thu khách hàng giảm từ 25,02% xuống còn 21,7% vào năm 2020 nhưng đến năm 2021 tăng lên 22.53%. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn chưa đem lại hiệu quả cao.

Về nguồn vốn: Nợ phải trả giảm mạnh qua các năm cho thấy độ phụ thuộc về tài chính giảm hẳn, chủ yếu là do nợ ngắn hạn. Tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu năm 2021 tuy tăng so với năm 2020 nhưng phân tích tài sản cho thấy năng lực kinh doanh giảm, doanh nghiệp cần chú ý trả nợ ngắn hạn dần.

2.2.1.2. Phân tích kết quả kinh doanh

Bảng 2.5 Bảng kết quả kinh doanh

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	Chênh lệch		So sánh(%)	
				2019 -2020	2021 - 2020	2019 -2020	2021 - 2020
Tổng doanh thu	832,907	724,956	579,114	-107,951	-145,842	87	80
Các khoản giảm trừ							
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114	-107,951	-145,842	87	80
Giá Vốn Hàng Bán	651,496	571,500	421,839	-79,996	-149,661	88	74
Chi phí tài chính	1,778	2,862	89	1,084	-2,773	161	3
Chi phí bán hàng	62,587	58,354	65,853	-4,233	7,499	93	113
Chi phí quản lý doanh nghiệp	55,130	48,246	46,172	-6,884	-2,074	88	96
Doanh thu tài chính	1,393	3,528	6,592	2,135	3,064	253	187
Doanh thu khác	3,842	2,142	12,815	-1,700	10,673	56	598
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67,152	49,664	64,568	-17,488	14,904	74	130
Thuế TNDN	17,894	12,357	18,076	-5,537	5,719	69	146
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46,705	34,576	47,332	-12,129	12,756	74	137

Nhìn chung, như mọi công ty sản xuất khác, thu nhập Công ty là doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tỷ trọng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm trên 99%. Đây là một tín hiệu tốt, cho thấy công ty đang tập trung vào ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải.

Qua bảng số liệu cho thấy doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm qua các năm. Năm 2020 so với năm 2019, giảm 107,951 ngàn đồng, giảm 13%. Nguyên nhân là do thị trường kinh doanh năm 2020 gặp nhiều khó khăn, hoạt động sụt giảm đáng kể. Sang năm 2021 doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm mạnh 145,842 ngàn đồng tức giảm 20%.

Bảng 2.6 Phân tích chi phí của doanh nghiệp

Phân tích chi phí của doanh nghiệp	2019	2020	2021
Doanh thu	832,907	724,956	579,114
Tổng CPKD	119,495	109,462	112,114
CP bán hàng/DT	52%	53%	59%
CP quản lí/DT	46%	44%	41%
Chi phí tài chính/DT	1.49%	2.61%	0%

(Trích bảng phân tích chi phí doanh thu trong năm 2021)

Qua bảng phân tích trên, ta thấy tổng chi phí kinh doanh của công ty không ổn định qua các năm, Năm 2019 chỉ là 119,495 ngàn đồng, chiếm 14% tổng doanh thu nhưng Năm 2020 giảm còn 109,462 ngàn đồng, chiếm 15%, biến động. Năm 2021 tổng chi phí kinh doanh là 112,114 ngàn đồng, chiếm 19% tổng doanh thu. Cụ thể biến động về chi phí bán hàng và chi phí quản lí như sau:

- Chi phí bán hàng:

Trong giai đoạn năm 2019 và Năm 2020 : tỉ trọng chi phí bán hàng trong tổng doanh thu tăng liên tục. Trong Năm 2019, chi phí bán hàng là 62,587 ngàn đồng, chiếm 8% doanh thu, Năm 2020 chiếm 8% tổng doanh thu. Năm 2021 chiếm 11% tổng doanh thu. Qua những kết quả trên ta thấy chi phí bán hàng của mỗi năm đều tăng.

- Chi phí quản lí:

Năm 2019, chi phí quản lí đạt 55,130 ngàn đồng, chiếm 46% tổng chi phí kinh doanh. Năm 2020 đạt 48,246 ngàn đồng, chiếm 44% tổng chi phí kinh doanh, Năm 2021 chiếm 46,172 ngàn đồng, chiếm 41% tổng chi phí kinh doanh. Chi phí quản lí giảm vào năm 2020, tăng vào năm 2021.

Để lí giải điều này, phải nhìn vào thực tế là công ty đã không ngừng cải thiện để nâng cao doanh thu, do đó lượng hàng bán ra ngày càng nhiều, nên chi phí bán hàng tăng. Kể từ đó, công ty được nhiều người biết đến trên thị trường, doanh số bán hàng giảm, do chi phí bán hàng không ngừng tăng qua mỗi năm. Để kịp thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh ngày càng khắc nghiệt, công ty gia tăng chi phí bán hàng nhằm tăng thị phần kinh doanh làm cơ sở để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh sau này

- Chi phí tài chính:

Năm 2019, chi phí tài chính đạt 1,778 ngàn đồng, chiếm 1.5% tổng chi phí kinh doanh. Năm 2020 đạt 2,862 ngàn đồng, chiếm 2.6% tổng chi phí kinh doanh, Năm 2021 là 89 ngàn đồng, chiếm 0.08% tổng chi phí kinh doanh. Chi phí tài chính giảm qua các năm, cho thấy giai đoạn năm 2019 – 2021 công ty tập trung vào hoạt động SXKD

Bảng 2.7 Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp

Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp	2019	2020	2021
Tổng LN trước thuế	67,152	49,664	64,568
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114

LN/DT	8.06%	6.85%	11.15%
-------	-------	-------	--------

Trích bảng phân tích biến động lợi nhuận theo kết cấu trong năm 2021)

Năm 2019, tổng lợi nhuận trước thuế của công ty là 67,152 ngàn đồng. Năm 2020 giảm còn 49,664 ngàn đồng giảm 26% so với năm 2019. Từ Năm 2021 trở đi, tổng lợi nhuận trước thuế của công ty có tốc độ tăng nhanh hơn. Tổng lợi nhuận trước thuế của công ty trong năm 2021 là tăng lên xấp xỉ 65000 ngàn đồng

Nhìn chung cơ cấu lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm 2019 và năm 2020 biến động đáng kể cho thấy tình hình kinh doanh của công ty biến động qua các năm.

c. Phân tích kết cấu lưu chuyển tiền thuần của các hoạt động

Bảng 2.8 bảng lưu chuyển tiền tệ

	2019	2020	2021
<i>LN sau thuế</i>	46,705	34,576	47,332
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX kinh doanh</i>	117,717	106,600	112,025
<i>Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt tài chính</i>	1,778	2,862	89
<i>lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	166,200	144,038	159,446

Nhìn vào bảng trên ta thấy lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm so với năm 2019, đến năm 2021 LN sau thuế tăng cao trong khi đó dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cũng tăng mạnh năm 2021

Dòng tiền từ hoạt động tài chính của công ty tăng trong 2 năm đầu sang năm 2021 giảm còn 89 ngàn đồng. Trong 2 năm 2019 – 2020, công ty đã cố gắng giảm vay ngắn hạn và dài hạn làm cho dòng tiền từ hoạt động tài chính dương ở mức cao.

2.2.2 . Phân tích tình hình tài chính theo các nhóm chỉ tiêu tài chính chủ yếu

2.2.2.1 Các tỷ số về khả năng thanh toán

□ Tỷ số thanh toán ngắn hạn.

Tỷ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn

Bảng 2.9 Tỷ số thanh toán ngắn hạn.

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Tài sản ngắn hạn	186,008	169,347	161,154

Nợ ngắn hạn	87,671	48,873	38,930
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Lần)	2.1	3.3	4.0

Nguồn : phòng kế toán

Tỷ số thanh toán ngắn hạn >1 tức là $TSLĐ > \text{Nợ ngắn hạn}$, lúc này các tài sản ngắn hạn sẵn có lớn hơn những nhu cầu ngắn hạn, vì thế tình hình tài chính của công ty tương đối mạnh ít nhất trong thời gian ngắn.

Thêm nữa, do $TSLĐ > \text{Nợ ngắn hạn}$ nên $TSCĐ < \text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn CSH}$, và như vậy các nguồn vốn dài hạn của công ty không những đủ tài trợ cho TSCĐ mà còn dư để tài trợ cho TSCĐ.

Tuy nhiên phân tích tỷ số chỉ mang tính thời điểm, không phản ánh được cả một thời kỳ, một giai đoạn hoạt động của công ty, vì thế các tỷ số này phải được xem xét liên tục và phải xác định nguyên nhân gây ra kết quả đó như từ hoạt động kinh doanh, môi trường kinh tế, yếu kém trong tổ chức, quản lý của doanh nghiệp, các nguyên nhân, yếu tố trên mang tính tạm thời hay dài hạn, khả năng khắc phục của doanh nghiệp, biện pháp khắc phục có khả thi hay không?

Từ tỷ số thanh toán ngắn hạn của công ty An Phú, ta có tỷ số như trên, điều này cho biết khả năng hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn của công ty bằng tài sản ngắn hạn hiện có là khả thi.

Hệ số này càng lớn thì khả năng hoàn trả nợ ngắn hạn càng tốt. Ta thấy, hệ số này của Công ty TNHH Thiết Bị An Phú tăng qua các năm chứng tỏ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty thuận lợi, trả được nợ ngắn hạn đúng hạn.

□ Tỷ số thanh toán nhanh.

Tỷ số thanh toán nhanh = (Tiền mặt + Phải thu)/Nợ ngắn hạn

Tỷ số này thường $> 0,5$ là chấp nhận được.

Việc loại bỏ hàng tồn kho khi tính toán khả năng thanh toán nhanh, là do hàng tồn kho sẽ phải mất thời gian lâu hơn để chuyển chúng thành tiền mặt so với các khoản mục TSLĐ khác.

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
 Tương tự như tỷ số thanh toán ngắn hạn, việc xem xét tỷ số thanh toán nhanh cũng phải xem xét đến các khoản phải thu khó đòi để đảm bảo đánh giá khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp một cách chính xác nhất.

Tình hình tài chính được phản ánh rõ nét qua tình hình thanh toán và khả năng thanh toán của công ty. Nếu hoạt động tài chính tốt, ít công nợ, khả năng thanh toán dồi dào, ít chiếm dụng vốn cũng nhưng ít bị chiếm dụng, ngược lại, nếu tài chính không tốt sẽ dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn lẫn nhau.

Bảng 2.10 Tỷ số thanh toán nhanh

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Tiền mặt + Phải thu	83,671	118,352	98,614
Nợ ngắn hạn	87,671	48,873	38,930
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	0.95	2.4	2.5

(Nguồn: Phòng kế toán)

Khả năng thanh toán nhanh của công ty qua các năm lớn hơn 0.5, cho thấy công ty có khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn kể cả khi không tính lượng hàng tồn kho. Tỷ số này tăng qua các năm từ 2019 đến 2021. Công ty có thể đảm bảo mức an toàn về khả năng thanh toán cho các khoản nợ. Một vấn đề nữa khi đánh giá khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp qua phân tích tỷ số là phải loại bỏ các khoản phải thu khó đòi, các khoản tồn kho chậm luân chuyển trong TSLĐ của công ty. Và như vậy, hệ số thanh toán nhanh tăng lên, không có nghĩa là khả năng thanh toán của công ty được cải thiện nếu chưa loại bỏ các khoản phải thu khó đòi, tồn kho chậm luân chuyển khi tính toán tại công ty An Phú.

□ Tỷ số thanh toán bằng tiền

Tỷ số thanh toán bằng tiền của công ty An Phú phụ thuộc vào lượng tiền mặt đi vào của công ty, chủ yếu từ hoạt động kinh doanh.

Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh dương (thu>chi) thể hiện công ty làm ăn có hiệu quả, có khả năng trả ngay các khoản nợ đến hạn.

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
----------	------	------	------

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	37,136	81,600	62,313
Nợ phải trả	89,219	51,707	40,612
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.4	1.6	1.5

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hệ số này cho biết khả năng thanh toán các khoản nợ của công ty bằng tiền tốt.

Hệ số năm 2020 tăng so với năm 2019 tăng 1.3 lần, đây là một hệ số đáng kể. Nhưng đến năm 2021, hệ số giảm từ 1.6 lần của năm 2020 còn 1.5 lần của năm 2021, cho thấy sự thiếu hụt trong khả năng thanh toán, sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch trả nợ của Công ty.

2.2.2.2 Các tỷ số về cơ cấu tài chính

□ Phân tích tỷ số nợ

Bảng 2.11 Tỷ số nợ trên tổng tài sản

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Nợ phải trả	89,219	51,707	40,612
Tổng tài sản	352,772	325,796	310,072
Tỷ số nợ	0.25	0.16	0.13

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tỷ số nợ thấp thể hiện sự bất lợi đối với các chủ nợ nhưng lại có lợi cho Công ty, Công ty đảm bảo về khả năng thanh toán.

Bảng 2.12 Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu

Tỷ số so với chủ sở hữu = Tổng nợ/Vốn CSH

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Nợ phải trả	89,219	51,707	40,612
Vốn CSH	226,020	234,989	233,562
Tỷ số đảm bảo nợ	0.39	0.22	0.17

(Nguồn: Phòng kế toán)

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
Tỷ số so với chủ sở hữu nợ năm 2019 cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu mà Công ty phải đảm bảo khoảng 0.39 đồng nợ, năm 2020 thì cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu mà Công ty chỉ đảm bảo 0.22 đồng nợ. và năm 2021 chỉ đảm bảo 0.17 đồng nợ. Như vậy, khả năng đảm bảo nợ của Công ty chưa thật sự tốt.

Phân tích tỷ số tự tài trợ

Trong cơ cấu các khoản phải trả thì nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao hơn 90%. Điều này chứng tỏ Công ty tăng dần việc chiếm dụng vốn bên ngoài để tài trợ cho hoạt động kinh doanh sản xuất của mình.

Việc tổng các khoản phải trả giảm là điều tốt, vì nó chứng tỏ khả năng tự tài trợ của Công ty khá cao.

Bảng 2.13 Tỷ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Vốn CSH	226,020	234,989	233,562
Tổng nguồn vốn	352,772	325,796	310,072
Tỷ số	0.64	0.72	0.75

(Nguồn: Phòng kế toán)

Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn dùng để đo lường sự ổn định của việc tăng vốn. Hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn khá thấp chứng tỏ Công ty TNHH Thiết Bị An Phú chưa được đánh giá cao.

Bảng 2.14 Tỷ số trang trải lãi vay

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Lợi nhuận trước thuế và lãi	67,152	49,664	64,568
Lãi vay	1,778	2,862	89
Tỷ số khả năng trả lãi (lần)	37.8	17.4	725.5

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tỷ số qua 3 năm đều lớn hơn 1 chứng tỏ công ty hoàn toàn có khả năng trả lãi vay.

2.2.2.3 Các tỷ số về hoạt động**Bảng 2.15 Vòng quay tồn kho và số ngày tồn kho bình quân.**

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Tổng doanh thu	832,907	724,956	579,114
Hàng tồn kho	94,919	47,840	58,901
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	8.8	15.2	9.8
Số ngày tồn kho (ngày)	553.6	299.2	326.5

(Nguồn: Phòng kế toán)

Giá trị vòng quay hàng tồn kho càng lớn cho biết Công ty sử dụng vốn lưu động càng hiệu quả, góp phần nâng cao tính năng động trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Vòng quay không ổn định qua các năm là do Công ty lưu giữ quá nhiều hàng tồn kho, dòng tiền giảm đi do vốn kém hoạt động và gánh nặng trả lãi tăng lên, tồn kém chi phí lưu giữ và rủi ro khó tiêu thụ do không phù hợp với nhu cầu tiêu dùng hoặc thị trường kém đi. Số ngày tồn kho bình quân của Công ty rất cao mặc dù có xu hướng giảm dần qua 2 năm 2020 và năm 2021. Năm 2019, số ngày tồn kho bình quân là 553 ngày, sang năm 2020 là 299 ngày, năm 2021 là 326 ngày. Chứng tỏ Công ty đầu tư quá nhiều cho hàng tồn kho.

Vòng quay khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân.

Qua bảng phân tích thấy rằng các khoản phải thu tăng dần qua các năm. Chính sách công nợ của Công ty chưa được chặt chẽ. Hơn thế nữa, khoản tiền trả trước cho người bán cũng có xu hướng giảm qua 3 năm 2019-2020-2021

Bảng 2.17 Các khoản phải thu ngắn hạn (2019-2021)

Năm	2019		2020		2021
Các khoản phải thu ngắn hạn (Ngàn đồng)	46,535		36,752		36,301
So sánh	2020 so 2019		2021 so 2020		
Các khoản phải thu ngắn hạn (Triệu đồng/%)	-9,783	79%	-451	99%	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Để đánh giá các khoản phải thu có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình tài chính của Công ty, cần xem xét 2 tỷ trọng sau:

$$\text{Tỷ trọng các khoản phải thu so với tài sản ngắn hạn} = \frac{\text{Các khoản phải thu}}{\text{Tài sản ngắn hạn}}$$

Lần lượt qua ba năm 2019 – 2020-2021 tỷ số này lần lượt là 25%, 22% và 23%

$$\text{Tỷ trọng các khoản phải thu so với số tiền phải trả} = \frac{\text{Tổng các khoản phải thu} \times 100}{\text{Tổng các khoản phải trả}}$$

Tỷ số này tại Công ty trong 3 năm gần đây luôn lớn hơn 50%. Đặc biệt năm 2021 tỷ lệ này là 101%. Điều này cho thấy tình trạng Công ty bị chiếm dụng vốn rất lớn

Bảng 2.18 Kỳ thu tiền bình quân

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Kh khoản phải thu bình quân	46,535	41,644	36,527
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114
Vòng quay khoản phải thu (vòng)	17.9	17.4	15.9
Kỳ thu nợ bình quân (ngày)	20.1	20.7	22.7

(Nguồn: Phòng kế toán)

Năm 2019, để đạt được doanh thu thuần là 832,907 triệu đồng các khoản phải thu quay khoảng 17.9 vòng. Tương tự, năm 2020, các khoản phải thu cần 17.4 vòng để đạt được doanh thu thuần là 724,956 triệu đồng. Năm 2021, các khoản phải thu cần 15.9 vòng để đạt được doanh thu thuần là 579,114 triệu đồng

Kỳ thu tiền bình quân của Công ty là cao và có xu hướng tăng dần qua 2 năm 2020 và năm 2021. Năm 2019, kỳ thu tiền bình quân là 20 ngày, sang năm 2020 là 20 ngày, năm 2021 là khoản 22 ngày. Chứng tỏ Công ty chưa có chính sách công nợ chặt chẽ.

Bảng 2.19 Vòng quay tài sản cố định.

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Tài sản cố định bình quân	148,355	144,328	101,993
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114
Vòng quay tài sản cố định (vòng)	5.61	5.02	5.68

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chỉ số này giúp đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty, Năm 2019 cho thấy 1 đồng TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 5.61 đồng doanh thu. Năm 2020 1 đồng TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 5.02 đồng doanh thu. Năm 2021, 1 đồng TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 5.68 đồng doanh thu. Chỉ số này qua các năm cho thấy hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty tăng dần.

2.2.2.4. Vòng quay tài sản

Bảng 2.20 Vòng quay tài sản

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Tài sản bình quân	352,772	339,284	317,934
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114
Vòng quay tài sản	2.36	2.14	1.82

(Nguồn: Phòng kế toán)

Chỉ số này giúp đánh giá hiệu quả sử dụng của toàn bộ tài sản của Công ty, Năm 2019 cho thấy 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 2.36 đồng doanh thu. Năm 2020, 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 2.14 đồng doanh thu. Năm 2021, 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra 1.82 đồng doanh thu. Chỉ số này giảm vào năm 2021 cho thấy hiệu quả sử dụng tổng tài sản của Công ty giảm dần.

2.2.2.5 Các tỷ số về doanh lợi (tỷ số lợi nhuận)

Lợi nhuận gộp trên doanh thu.

Bảng 2.21 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

-Tỷ số lợi nhuận hoạt động biên = lợi nhuận gộp/doanh thu thuần

ĐVT: ngàn đồng

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Lợi nhuận gộp	67,152	49,664	64,568
Doanh thu thuần	832,907	724,956	579,114
Tỷ số lợi nhuận hoạt động biên (%)	8	7	11

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tỷ số trên cho thấy năm 2019 cứ một đồng doanh thu ta có thể kiếm được 8 đồng lợi nhuận, còn năm 2020 cứ một đồng doanh thu kiếm được 7 đồng lãi và năm 2021 cứ một đồng doanh thu kiếm được 11 đồng lãi. Từ đó, ta thấy năm 2021 Công ty kiếm được khoản lãi cao hơn năm 2019 là 3 đồng.

ROS.

Tỷ số lợi nhuận thuần biên (ROS)= (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*100

Bảng 2.22 ROS

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
ROS (%)	6	5	8

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tỷ số lợi nhuận thuần biên năm 2019 là 6 nghĩa là cứ một 100 đồng doanh thu Công ty lãi được 6 đồng lợi nhuận. năm 2020 là 5 nghĩa là cứ một 100 đồng doanh thu Công ty sẽ có được 5 đồng lợi nhuận. tương tự cho năm 2021, cứ một 100 đồng doanh thu Công ty lãi 8 đồng. Chứng tỏ, Công ty ngày càng tìm được nhiều khách hàng hơn nên lợi nhuận ngày càng tăng.

ROA.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Bảng 2.23 ROA.

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Lợi nhuận sau thuế	46,705	34,576	47,332
Tài sản bình quân	352,772	339,284	317,934
ROA	13.24%	10.19%	14.89%

Nguồn: Tổng Hợp từ Bảng cân đối kế toán và BC kết quả HĐKD

Tỷ số ROA vào năm 2019 là 13.24%, sau đó giảm vào năm 2020 do lợi nhuận sau thuế tăng và năm 2021 tăng lên 14.89. Đây là mức ROA khá cao. Tuy nhiên, cả ROA và hiệu suất sử dụng tài sản đều cho thấy Công ty chưa sử dụng hiệu quả nguồn tài sản của mình.

Bảng 2.24 ROE

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
Lợi nhuận sau thuế	46,705	34,576	47,332
Vốn chủ sở hữu bình quân	226,020	230,505	234,276
ROE	21%	15%	20%

Nguồn: Tổng Hợp từ Bảng cân đối kế toán và BCKQ HKKD

Tỷ số ROE khá tốt vào năm 2019 với 21%, sau đó giảm xuống 15% vào năm 2020. Năm 2021 ROE giữ mức 20%. Điều này có nghĩa là 100 đồng vốn bỏ ra thì chủ sở hữu của Công ty nhận được 20 đồng lợi nhuận sau thuế

2.2.3 Phương pháp phân tích Dupont

$$ROA = (LN \text{ sau thuế} / \text{doanh thu}) * (\text{Doanh thu} / \text{TTSBQ})$$

Bảng 2.25 Phân tích Dupont ROA

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
LN sau thuế/Doanh thu	0.06	0.05	0.08
Doanh thu/Tổng tài sản bình quân	2.36	2.14	1.82
ROA	13.24%	10.19%	14.89%

(Nguồn: Phòng kế toán)

ROA năm 2020 giảm so với năm 2019 là do sự sụt giảm trong tỷ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu và Doanh thu/Tổng tài sản bình quân

Năm 2021 ROA tăng lên mức 14.89% là do sự gia tăng trong tỷ số LN sau thuế/Doanh thu

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu tăng nhỉnh hơn năm 2020, đồng thời do tỷ số doanh thu/tổng tài sản ở mức 1.82 (thấp hơn năm 2020 nên ROA năm 2021 chỉ tăng nhẹ so với năm 2019.

$$ROE = ROA * (\text{Tổng tài sản bình quân} / \text{vốn chủ sở hữu})$$

$ROE = (LN \text{ sau thuế}/\text{doanh thu}) * (\text{Doanh thu}/\text{TTSBQ}) * (\text{Tổng tài sản bình quân}/\text{vốn chủ sở hữu})$

Bảng 2.26 Phân tích Dupont ROE

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021
LN sau thuế/Doanh thu	0.06	0.05	0.08
Doanh thu/Tổng tài sản bình quân	2.36	2.14	1.82
Tổng tài sản bình quân/VCSH bình quân	1.56	1.47	1.36
ROE	21%	15%	20%

(Nguồn: Phòng kế toán)

ROE giữ mức ổn định trong khoảng 15%- 21%, không dao động mạnh.

ROE năm 2020 giảm còn 15% là do sự giảm sút mạnh trong tỷ số Tổng tài sản bình quân/VCSH bình quân và Doanh thu/Tổng tài sản bình quân

Năm 2021, ROE tăng lại 20% là do sự tăng nhanh trong tỷ số LN sau thuế/Doanh thu

2.2.4 Phân tích nguồn và sử dụng ngân quỹ

Bảng 2.27 Phân tích nguồn và sử dụng ngân quỹ

Đvt: Ngân đồng

	2019	2020	2021
-Thu nhập thuần túy	46,705	34,576	47,332
-Khấu hao	21,310	29,140	32,744
Tổng nguồn thu từ các hoạt động	68,015	63,716	80,076
Tổng các nguồn quỹ sử dụng quỹ			
Đầu tư bất động sản			71,992
Lợi ích các cổ đông	37,532	39,100	35,897
Tổng sử dụng quỹ	37,532	39,100	107,889
Tăng thuần túy trong vốn hoạt động	30,483	24,616	-27,813

(Nguồn: Phòng kế toán)

Tăng vốn lưu động ròng năm 2021 là 121,150 triệu đồng. Hầu hết phần các nguồn quỹ luôn luôn được bắt đầu với các nguồn quỹ do các hoạt động trong năm đem lại. Con số

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
này bao gồm thu nhập thuần túy như đã báo cáo trong báo cáo thu nhập cộng với mọi thay đổi không phải là tiền mặt như chi phí khấu hao. Do phần khấu hao thể hiện phần phân bổ chi phí của các khoản đầu tư của công ty trong quá khứ cho nên chi phí khấu hao được khấu trừ đi trong báo cáo thu nhập không đòi hỏi phải chi dùng quỹ hiện tại và do đó cần phải được cộng lại vào thu nhập khi xác định nguồn tổng cộng do các hoạt động tạo ra. Tổng các khoản này cộng với nguồn quỹ do hoạt động đem lại thể hiện toàn bộ nguồn quỹ mà công ty có trong năm.

Phần sử dụng đã được thể hiện khá rõ ràng, ở đây, ta có thể thấy danh mục sử dụng quỹ của công ty trong năm. Trong trường hợp của Công ty TNHH Thiết Bị An Phú, quỹ đã được sử dụng để đầu tư bất động sản, để trả cổ tức.

2.3 Đánh giá tình hình tài chính An Phú

2.3.1 Điểm mạnh

Nợ ngắn hạn của công ty chiếm tỷ trọng cao nhưng có xu hướng giảm

Doanh thu của công ty giảm qua các năm nhưng lợi nhuận đạt được khá tốt (do chi phí tài chính, quản lý doanh nghiệp giảm, doanh thu thu được từ tài chính tăng). Sang năm 2021, công ty không huy động vốn bằng cách vay ngân hàng, do không phải trả một khoản lãi tương đối lớn như năm 2020, 2019.

2.3.2 Điểm yếu

Hầu hết các chỉ số tài chính qua ba năm đều sụt giảm vào năm 2020 và tăng nhẹ vào năm 2021. Điều này phản ánh sự tác động của thị trường ảnh hưởng đến doanh nghiệp. Khả năng sinh lãi của doanh nghiệp còn yếu kém cho thấy trong các chính sách tài chính còn nhiều vấn đề cần được quan tâm giải quyết kịp thời. Doanh nghiệp cần điều chỉnh lại cơ cấu tài sản ngắn hạn trên cơ sở xem xét lại vấn đề công nợ cho khách hàng. Cơ cấu nguồn vốn của công ty cũng không nên thiên nhiều về vốn vay ngắn hạn, hàng tồn kho và các khoản chiếm dụng ngắn hạn mà tập trung hơn vào nguồn vốn chủ sở hữu.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt không ổn định, nguồn vốn công ty sử dụng chưa hiệu quả

Tổng doanh thu thuần giảm. Tuy nhiên, để tăng doanh thu thì đòi hỏi đơn vị phải phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Muốn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự đầu tư về chiều sâu hơn nữa, đó là đầu tư về TSCĐ và đầu tư về tiền

Kỳ thu tiền bình quân của công ty năm 2021 là 22 ngày, điều này có nghĩa là phải mất 22 ngày thì một đồng tiền bán hàng trước đó mới được thu hồi.

2.3.3 Nguyên nhân

2.3.3.1 Nguyên nhân chủ quan

Các khoản phải thu khách hàng lớn, công ty bị chiếm dụng lượng vốn rất lớn. Bù lại, công ty lại dùng tiền vay bù đắp cho chính sách công nợ rộng rãi này.

Nợ ngắn hạn của công ty chiếm tỷ trọng cao nhưng có xu hướng giảm, góp phần làm gia tăng khả năng thanh toán của công ty.

2.3.3.2 Nguyên nhân khách quan

- Cuộc khủng hoảng tài chính 2019 -2020 tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty, gây sự sụt giảm đáng kể doanh thu năm 2020 và năm 2021.

- Khủng hoảng chung dẫn đến tình hình kinh doanh của khách hàng của An Phú gặp khó khăn, dẫn đến việc thu nợ chậm.

- Do trượt giá nên chi phí đầu vào cao, để cạnh tranh trong nền kinh tế suy thoái dẫn đến lợi nhuận của An Phú bị giảm.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM CẢI THIẾN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ AN PHÚ

3.1. Những cơ hội và thách thức của ngành và của Công ty TNHH Thiết Bị An Phú

3.1.1. Cơ hội

- ✓ Môi trường cạnh tranh được lành mạnh hóa, hệ thống văn bản pháp luật ngày càng hoàn thiện.
- ✓ Ngày càng có nhiều người đến sống và làm việc tại TP.HCM, các công ty, tổ chức kinh doanh, văn phòng tăng nhanh nên nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ trang thiết bị văn phòng...đang tăng lên.
- ✓ TP.HCM có lực lượng lao động dồi dào và có trình độ. Đây là nguồn cung cấp nhân sự cho Công ty.
- ✓ Khu vực ngoại thành TP.HCM đang được đầu tư phát triển nên nhu cầu sử dụng dịch vụ trang thiết bị văn phòng tại đây sẽ dần tăng lên, đây là một thị trường tiềm năng để công ty phát triển dịch vụ của mình.

3.1.2. Thách thức

- ✓ Hội nhập WTO khiến cho tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn với nhiều đối thủ cạnh tranh quốc tế dày dặn kinh nghiệm, mạnh về công nghệ và tài chính.
- ✓ Hiện nay tại TP.HCM đang có rất nhiều nhà cung cấp dịch vụ trang thiết bị văn phòng....., khách hàng có nhiều cơ hội lựa chọn hơn.
- ✓ Suy giảm tăng trưởng kinh tế cùng lạm phát tăng cao khiến cho người dân chi tiêu dè dặt hơn.
- ✓ Trình độ người dân thành phố ngày càng cao, KH ngày càng hiểu biết về trang thiết bị văn phònghơn và ngày càng có yêu cầu cao hơn về dịch vụ..

3.2 Một số giải pháp về phân tích hoạt động tài chính của công ty TNHH An Phú

3.2.1 Giải pháp về tình hình tài chính

Qua phần phân tích chi tiết thực trạng tài chính của công ty trong 3 năm liên tiếp 2019-2021 ta nhận thấy tình hình tài chính của công ty khá ổn định.

Về tình hình công nợ: Đây là vấn đề được công ty giải quyết khá hiệu quả trong những năm qua và đặc biệt là vào cuối năm 2021. Tỷ trọng của nguồn vốn nợ phải trả chiếm

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh

tỷ trọng cao trong tổng số nguồn vốn của công ty. Điều này phản ánh một điều là trong tổng số nguồn vốn mà công ty đang quản lý và sử dụng chủ yếu là do vốn vay nợ mà có. Qua phân tích ta nhận thấy, tỷ trọng của nợ ngắn hạn chiếm rất lớn trong tổng số nợ phải trả. Nhưng kết hợp với phần phân tích khả năng thanh toán của công ty là cao. Do vậy, công ty sẽ có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn. Tỷ trọng của nợ vay ngắn hạn lớn tức là tỷ trọng của nợ dài hạn và tỷ trọng của nợ khác chiếm trong tổng số nợ là nhỏ. Do vậy, biện pháp đưa ra ở đây là công ty cần có giải pháp chuyển một phần nợ vay ngắn hạn thành nợ vay trung và dài hạn (nếu có thể). Vay ngắn hạn trong công ty chủ yếu là vay ngắn hạn từ ngân hàng nên công ty có thể gia hạn nợ những khoản đến hạn trả. Những biện pháp này sẽ làm giảm một phần gánh nặng nợ nần, gánh nặng rủi ro thanh toán cho công ty. Bên cạnh đó, qua phân tích về các khoản nợ phải thu, ta thấy các khoản phải thu của công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản. Điều này phản ánh công ty đã chú ý thu hồi các khoản nợ đọng. Do đó, công ty cần tiếp tục các biện pháp thu hồi nợ đọng, có biện pháp khuyến khích khách hàng thanh toán tiền đúng hạn. Các biện pháp này sẽ giúp công ty thanh toán các khoản nợ nần một cách tốt nhất, đồng thời góp phần làm lành mạnh hoá tình hình hoạt động tài chính của công ty.

Tỷ trọng của tài sản lưu động và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm trong tổng tài sản của công ty là khá lớn, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó tỷ trọng của tiền chiếm trong tổng số tài sản lưu động và đầu tư tài chính ngắn hạn là cao, điều này tạo thuận lợi cho quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty, đảm bảo cho quá trình hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp được tiến hành liên tục. Điều này cho thấy việc sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế, công ty nên có biện pháp để luôn giữ cho lượng tiền mặt ở mức vừa phải đủ để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được ổn định, liên tục.

Qua bảng cân đối kế toán ta cũng thấy, công ty đang dần chú trọng đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, công ty đã có phương hướng đầu tư vào lĩnh vực này trong các năm tới. Bởi đây là khoản có khả năng tạo ra nguồn lợi tức trước mắt cho công ty. Chỉ tiêu này càng cao thì khả năng tạo ra nguồn lợi tức trước mắt càng lớn.

Một bất cập đối với công ty hiện nay đó là công ty chưa chú ý đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Bởi đây là khoản đầu tư có khả năng tạo ra nguồn lợi tức lâu dài cho công ty, đầu tư vào lĩnh vực này càng nhiều thì khả năng tạo ra nguồn lợi tức lâu dài cho công ty ngày càng lớn và ổn định. Bên cạnh đó công ty cũng vẫn chưa sử dụng tài sản cố định thuê tài chính. Đôi khi sử dụng loại tài sản này phát huy hiệu quả rất lớn, giảm bớt được một lượng vốn lớn khi phải mua những tài sản giá trị lớn không thực sự cần thiết. Lượng vốn đó dùng vào đầu tư lĩnh vực khác mang lại hiệu quả cao hơn cho công ty.

Qua phân tích ta thấy, tỷ suất tự tài trợ của công ty là cao. Phản ánh khả năng tự tài trợ cao của công ty, công ty có thể chủ động đáp ứng nhu cầu về nguồn vốn cho mọi hoạt động kinh doanh dịch vụ của mình. Điều này phản ánh sự ổn định về tài chính của công ty trong năm tài chính vừa qua và trong tương lai gần. Công ty cần có biện pháp làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, bởi khi nguồn vốn chủ sở hữu tăng công ty càng có thể chủ động trong việc đảm bảo vốn cho nhu cầu của mọi hoạt động kinh doanh dịch vụ và rủi ro về tài chính của công ty sẽ giảm, góp phần làm bình ổn tình hình tài chính của công ty, giúp công ty hoạt động hiệu quả hơn, ổn định vững chắc trong thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Nhóm các chỉ tiêu phản ánh thực trạng về khả năng sinh lời của vốn : Qua phân tích ta thấy cả hệ số sinh lời của vốn kinh doanh và hệ số sinh lời của vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn vay công ty đạt được trong các năm đều ở mức cao. Điều này thể hiện sự ổn định trong hoạt động kinh doanh dịch vụ của công ty, công ty sử dụng vốn thật sự khá hiệu quả. Công ty cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản lưu động giảm tới mức tối thiểu thời gian quay vòng của tài sản lưu động, cải tiến trong hoạt động kinh doanh dịch vụ để đạt được hiệu quả cao hơn.

Trên đây là một số đánh giá và biện pháp xử lý đối với một số chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH An Phú . Tuy mỗi chỉ tiêu có sự khác nhau về ý nghĩa kinh tế nhưng đều có tác dụng nhất định trong việc quan sát, nghiên cứu đánh giá tình hình tài chính của công ty trong một kỳ kinh doanh nhất định. Giữa chúng có mối liên hệ mật thiết hữu cơ, bổ xung cho nhau nhằm đáp ứng cho việc đánh giá đầy đủ, toàn diện và sâu sắc

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
về tình hình tài chính của công ty. Trên cơ sở đó giúp cho các nhà quản trị công ty có những biện pháp điều chỉnh kịp thời, khắc phục được những tồn tại yếu kém ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của công ty, làm lành mạnh hoá tình hình tài chính của công ty, tránh được những rủi ro không đáng có về tài chính.

3.2.2 Hoàn thiện về tổ chức công tác phân tích

Tổ chức công tác phân tích tài chính trong công ty là việc thiết lập trình tự các bước công việc cần tiến hành trong quá trình phân tích tài chính. Để phân tích tài chính trong công ty thực sự phát huy tác dụng trong quá trình ra quyết định, phân tích tài chính được tổ chức khoa học, hợp lý, phù hợp đặc điểm kinh doanh, mục tiêu kinh doanh của công ty và sự quan tâm của từng đối tượng. Bởi vậy, để hoàn thiện tổ chức công tác phân tích ta hoàn thiện thêm các giai đoạn của quá trình phân tích với việc thực hiện công tác phân tích đúng các quy trình đã định, và ở các bước tiến hành được thực hiện chu đáo cẩn thận. Để hoạt động phân tích tài chính đạt được hiệu quả cao, cần làm tốt ngay từ khâu chuẩn bị. Nó bao gồm một số công đoạn như: Xác định mục tiêu phân tích, thu thập và xử lý thông tin, lập kế hoạch phân tích:

- Xác định mục tiêu phân tích.

Phân tích tài chính nhằm đánh giá thực trạng tài chính của Công ty trong thời gian qua để thấy được điểm mạnh, điểm yếu của hoạt động tài chính và đánh giá khả năng phát triển của Công ty trong tương lai. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch tài chính ngắn hạn và xây dựng chiến lược phát triển cho Công ty.

- Thu thập và xử lý thông tin.

Chất lượng phân tích tài chính của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thông tin sử dụng. Thông tin dùng để phân tích tài chính phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và có tính so sánh. Nó bao gồm hai nguồn thông tin chính:

- Nguồn thông tin bên trong Công ty chính là các báo cáo tài chính, số liệu trên các báo cáo tài chính phải phản ánh trung thực, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
của Công ty, đồng thời cần tập hợp số liệu hàng tháng để theo dõi sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh một cách kịp thời và có giải pháp phù hợp.

- Nguồn thông tin bên ngoài Công ty như thông tin về tình hình kinh tế, thị trường sản xuất- kinh doanh thông tin về các công ty cùng ngành. Ngoài ra cần quan tâm tới kế hoạch, chỉ tiêu do Bộ đặt ra cho Công ty.

- Lập kế hoạch phân tích.

Đây là khâu quan trọng, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng, thời hạn và tác dụng của phân tích tài chính. Giai đoạn lập kế hoạch được tiến hành chu đáo, chuẩn xác sẽ giúp cho các giai đoạn sau tiến hành có kết quả tốt. Sau khi đã xác định được mục tiêu phân tích và thu thập đầy đủ thông tin cần thiết. Công ty tiến hành lập kế hoạch phân tích trên các khía cạnh sau:

- Phương pháp phân tích
- Nội dung phân tích
- Lựa chọn cán bộ có trình độ chuyên môn để tiến hành phân tích
- Phối kết hợp với các bộ phận khác trong phân tích
- Xác định thời gian cho công tác phân tích.

Tiếp theo đó là giai đoạn tiến hành phân tích: Sau khi xác định mục tiêu phân tích và thu thập được đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình phân tích. Theo kế hoạch phân tích đã đặt ra, ta đi tiến hành phân tích tài chính của công ty, với việc tính toán các chỉ tiêu; xác định nguyên nhân và tính toán cụ thể mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến các chỉ tiêu phân tích; xác định dự đoán những nhân tố kinh tế xã hội khác tác động đến tình hình kinh doanh của công ty; tổng hợp kết quả, rút ra kết luận, nhận xét về tình hình tài chính của công ty. Công việc cuối cùng và rất quan trọng tiếp theo logic của phân tích, đó công việc chuẩn đoán phân tích. Trong suốt quá trình phân tích, nghiên cứu với nhiều yếu tố xuất hiện như: về cơ cấu tài chính của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn, sự tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp.... Việc phân tích tài chính hữu hiệu là phải phục vụ cho việc theo dõi lập luận của nhà phân tích và mục đích của quá trình phân tích. Bởi vậy cần có sự nghiên cứu thêm về các thông tin liên

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh

quan đến ngành và môi trường kinh tế và phải nêu rõ các dữ liệu về tài chính, kinh tế hoặc những con số cần dùng khác, các công cụ và phương pháp phân tích, các giả thiết làm cơ sở cho dự đoán, các kết luận về khả năng sinh lời và rủi ro. Việc chuẩn đoán tài chính có tầm quan trọng đặc biệt vì nó dẫn tới việc ra quyết định tài chính. Trên cơ sở các chuẩn đoán tài chính, công ty tạm dừng các mục tiêu ban đầu, xác định chiến lược hoặc sửa đổi các chính sách ngắn hạn. Với các nhà đầu tư so sánh với các dự đoán để quyết định mua hoặc bán cổ phiếu. Bên cạnh đó, các quyết định chấp nhận hoặc từ chối cho vay hoặc đi vay, các điều kiện tín dụng đều phụ thuộc vào các chuẩn đoán tài chính. Cuối cùng, ý nghĩa phổ biến chuẩn đoán tài chính chính xác sẽ giúp cho việc lựa chọn được những điều kiện tốt nhất khi thuê mua các nguồn lực phục vụ cho sản xuất, kinh doanh.

Để giảm bớt các khâu có thể, giảm thời gian phân tích tài chính, tăng hiệu suất của công tác tài chính, ta cần áp dụng công cụ tin học vào quá trình phân tích. Công việc này có thể được sử dụng với nội dung sau:

- Lưu trữ các dữ liệu phục vụ cho công tác phân tích
- Tính toán và so sánh các chỉ tiêu, các chỉ số
- Tính các cân đối tài chính
- Đối chiếu báo cáo tài chính với các giả thiết
- Phân tích các độ nhạy tài chính

3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán

Trình tự và các bước tiến hành phân tích tài chính đi từ việc thu thập thông tin, xử lý thông tin và cuối cùng dự đoán và đưa ra quyết định. Trong bước thứ nhất, công ty cần thu thập các thông tin có khả năng lý giải và thuyết minh thực trạng hoạt động tài chính của công ty. Những thông tin này bao gồm những thông tin kế toán và thông tin quản trị khác, trong đó thông tin kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng. Qua việc chỉ ra thực trạng công tác phân tích tài chính của Công ty TNHH An Phú cho thấy để hoàn thiện công tác phân tích tài chính trước hết cần hoàn thiện công tác kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán nhằm cung cấp thông tin cần thiết, chính xác, đầy đủ cho phân tích tài chính. Vì kế toán là việc quan sát, ghi chép, phân loại, tổng hợp các

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
hoạt động của công ty và trình bày kết quả của chúng nhằm cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định về tài chính và đánh giá hoạt động của công ty. Những thông tin kế toán được phản ánh tập trung chủ yếu trên các báo cáo tài chính chính là nền tảng, là cơ sở nâng cao chất lượng phân tích tài chính bởi vì chúng ta chỉ có được những kết quả phân tích tin cậy dựa trên những thông tin toàn diện, đầy đủ, các số liệu chính xác, tỷ mỉ.

Công tác kế toán bao gồm rất nhiều nội dung. Do đó để hoàn thiện công tác này, công ty cần tiến hành đồng bộ trên tất cả các nội dung của kế toán, kiểm toán. Cụ thể : Công ty TNHH An Phú cần hoàn thiện các mặt sau:

- ✓ Công tác hạch toán ban đầu.
- ✓ Công tác tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.
- ✓ Các loại sổ sách sử dụng cho kế toán.
- ✓ Công tác lập các BCTC.
- ✓ Tổ chức bộ máy kế toán và phân công lao động kế toán.
- ✓ Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ.
- ✓ Kiểm tra kế toán.

Trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hoá, công ty đặc biệt chú ý đến công tác trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật công nghệ cho công tác kế toán, mà cụ thể ở đây là việc ứng dụng tin học, sử dụng phần mềm kế toán trong công tác quản lý để thúc đẩy nhanh hơn sự phát triển ở nước ta và hội nhập với thế giới. Công tác kế toán thủ công sẽ không thể đáp ứng được nhu cầu thông tin nhanh, cập nhật, chính xác, toàn diện, tốc độ xử lý thông tin nhanh, khối lượng thông tin xử lý lớn. Trên thực tế, Công ty TNHH An Phú đã nhận thức rõ vai trò của tin học hoá, Ban giám đốc đã đầu tư, trang bị máy tính cho các phòng ban. Công ty đã sử dụng một số phần mềm kế toán để giảm bớt sổ sách kế toán, tăng năng suất lao động. Tuy nhiên, những phần mềm kế toán này còn nhỏ, chưa đủ tầm quản lý cho một công ty lớn. Trong những năm tới, công ty dự định trang bị thêm số máy cho phòng kế toán, mua sử dụng các phần mềm kế toán hiện đại hơn nhằm nâng cao đồng bộ nội dung quản lý kế toán.

Mặc dù công tác kiểm toán nội bộ của Công ty TNHH An Phú được tiến hành nghiêm túc. Song để có được những thông tin tin cậy Công ty cần kiểm toán một cách

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
thường xuyên, chặt chẽ hơn nữa, nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hệ thống chứng từ về việc ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, phát hiện sai lầm để sửa từ khâu đầu, cung cấp nguồn thông tin “sạch” cho phân tích tài chính và góp phần lành mạnh hoá tài chính của công ty.

3.2.4. Đào tạo nhân sự cho công tác phân tích tài chính

Yếu tố con người vẫn là yếu tố quyết định trong nhiều vấn đề và lĩnh vực trong cuộc sống. Trong chủ trương về đường lối CNH HĐH đất nước của Đảng ta cũng lấy yếu tố con người là trung tâm, là then chốt cho sự phát triển. Chất lượng công tác phân tích phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố nhân sự có vai trò rất quan trọng. Giả sử rằng tất cả các bước yếu tố khác đều tốt nhưng công việc phân tích được giao cho một cán bộ yếu về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu đầu óc quan sát, thiếu việc đánh giá sự vật trong mối quan hệ tài chính thì chắc chắn những kết quả phân tích sẽ không đáng tin cậy, phiến diện và mang tính chủ quan. Thông thường trong các công ty Việt Nam hiện nay, công tác phân tích tài chính được giao cho cán bộ phòng tài chính kế toán thực hiện mà chuyên môn chính của họ là kế toán chứ không phải là tài chính. Công ty TNHH An Phú cũng không ngoại lệ cho nên kết quả phân tích tài chính chưa cao.

Giải quyết vấn đề này, để hoàn thiện công tác phân tích tài chính, các cán bộ phân tích ở đây yêu cầu phải là những cán bộ có chuyên môn, trình độ cao về tài chính, được đào tạo chính quy, am hiểu sâu rộng về đặc điểm kinh doanh của công ty, vị thế của công ty, nắm vững những quy định, chính sách quản lý tài chính, chính sách thuế của nhà nước cũng như tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những định hướng kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

Đào tạo cán bộ cho công tác phân tích tài chính là một công việc khó, lâu dài, cần có những cán bộ trẻ, năng động kế tiếp cho những người đi trước. Do vậy, công ty cần có sự đầu tư thích đáng về thời gian và tiền của cho nguồn nhân lực phục vụ cho công tác này. Công ty có thể tổ chức các khoá học ngắn hạn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ quản lý tài chính. Tuyển thêm các cán bộ trẻ có nghiệp vụ cao chuyên về tài chính làm dồi dào thêm cho nguồn nhân sự. Mặc dù công việc này

Phân tích tài chính công ty TNHH Thiết Bị An Phú GVHD: Trương Văn Khánh
mang tính đầu tư lâu dài, xong chắc chắn sẽ nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác
phân tích tài chính của công ty trong tương lai.

KẾT LUẬN

THAM KHẢO 10 MẪU KẾT LUẬN ĐỀ TÀI NÀY TẠI:

<https://baocaothuctap.net/ket-luan-trong-bao-cai-thuc-tap-tai-chi-nh/>

Sinh Viên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

THAM KHẢO 10 MẪU KẾT LUẬN ĐỀ TÀI NÀY TẠI:

<https://baocaothuctap.net/ket-luan-trong-bao-cao-thuc-tap-tai-chi-nh/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THAM KHẢO MẪU TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỀ TÀI NÀY

TẠI:

<https://baocaothuctap.net/danh-muc-tai-lieu-tham-khao-bao-cao-thuc-tap/>